

## CÔNG BỐ THÔNG TIN

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam

Mã chứng khoán: TTN

Trụ sở chính: 21 VSIP II, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP II, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.

Người thực hiện công bố thông tin: Ông Giang Quốc Dũng Chức vụ: Tổng Giám đốc

Loại công bố thông tin:  Định kỳ

Điện thoại: (0274).2220222

**Nội dung thông tin công bố:** Báo cáo thường niên năm 2020 của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam.

Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của Công ty ngày 06/4/2021 tại địa chỉ: <http://vntt.com.vn/codong/thong-bao>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Bình Dương, ngày 06 tháng 04 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin

Tổng Giám đốc



GIANG QUỐC DŨNG

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN NĂM 2020**  
**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

**I. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP:**

❖ **Thông tin khái quát:**

- Tên giao dịch: Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (VNTT)
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: Số 3700861497 đăng ký lần đầu ngày 02/01/2008, đăng ký thay đổi lần 5 ngày 10/04/2017 do Sở Kế hoạch – Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.
- Vốn Điều lệ: 244.850.000.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: 244.850.000.000 đồng.
- Trụ sở chính: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.

❖ **Đơn vị trực thuộc VNTT**

- *Trung tâm Dịch vụ Viễn thông - Chi nhánh Công ty VNTT*: 02, Đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp CN-DV-ĐT Bình Dương, Phường Hòa Phú, Thành phố Thủ Dầu Một, Bình Dương.
- *Văn phòng Đại diện tại Nghệ An*: 11, Đường 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Nghệ An.
- *Văn Phòng Đại diện tại Quảng Ngãi*: 1A, Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Quảng Ngãi.
- *Văn phòng Đại diện tại Hải Phòng*: 03, Đường Bắc Nam Khu Đô Thị, Công nghiệp và Dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lư, Huyện Thủy Nguyên, Thành phố Hải Phòng.
- Số điện thoại: (0274) 2220222 Website: [www.vntt.com.vn](http://www.vntt.com.vn)

❖ **Thông tin cổ phiếu**

- Mã cổ phiếu: TTN
- Sàn giao dịch: Upcom
- Ngày bắt đầu giao dịch: 19/04/2017
- Số lượng cổ phiếu đang giao dịch: 24.485.000 cổ phiếu

❖ **Quá trình phát triển của Công ty:**

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam được thành lập từ sự hợp tác của ba cổ đông sáng lập là:



- **Becamex IDC** : Tổng công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP
- **VNPT** : Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam
- **BIDV** : Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam

Công ty chính thức đi vào hoạt động từ ngày 02/01/2008 theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4603000463 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương.

Với vốn điều lệ đăng ký ban đầu 500.000.000.000 đồng (Năm trăm tỷ đồng chẵn). Trong đó, vốn góp đăng ký của ba cổ đông sáng lập là 325.000.000.000 đồng và phần còn lại gọi vốn góp từ các cổ đông khác.

Tuy nhiên trong quá trình hoạt động từ khi thành lập đến tháng 07 năm 2015, do nhiều nguyên nhân số vốn thực góp chỉ đạt 244.850.000.000 đồng.

Đến ngày 03/07/2015 Công ty chính thức đăng ký điều chỉnh giảm vốn điều lệ còn 244.850.000.000 đồng do cổ đông góp không đủ và đúng hạn (*Hai trăm bốn mươi bốn tỷ tám trăm năm mươi triệu đồng*).

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497 đăng ký thay đổi lần 05, do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp ngày 10/04/2017.

❖ **Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

Ngành nghề kinh doanh: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình: viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử, công trình điện lạnh, công trình cấp thoát nước, công trình phòng cháy chữa cháy; Phân phối, đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị: điện, điện tử, viễn thông, công nghệ thông tin...

Địa bàn kinh doanh: Khách hàng trong các khu công nghiệp, khu đô thị tại tỉnh Bình Dương, Bình Phước, VSIP Quảng Ngãi, VSIP Hải Phòng, VSIP Nghệ An, và các khu công nghiệp ở tỉnh thành khác do Becamex IDC và VSIP đầu tư.

❖ **Năm 2008: Chính thức cung cấp các dịch vụ viễn thông – Công nghệ thông tin:**

Các dịch vụ viễn thông, bao gồm: dịch vụ truy nhập Internet, dịch vụ thoại, dịch vụ kênh truyền dẫn, dịch vụ mạng riêng ảo VPN...

Khảo sát, tư vấn, cung cấp thiết bị và thi công, lắp đặt các công trình hạ tầng mạng viễn thông, hệ thống máy chủ, hệ thống Kiểm soát an ninh, truy nhập vào ra và các hệ thống công nghệ thông tin khác...

❖ **Tháng 7/2009: Cung cấp các dịch vụ Trung tâm dữ liệu:**

Từ Quý 3/2009, VNTT lần lượt giới thiệu đến khách hàng các dịch vụ về Trung tâm dữ liệu, bao gồm: Dịch vụ Colocation, dịch vụ cho thuê máy chủ (Dedicated Server/VPS), dịch vụ Hosting Web/Mail/DNS, dịch vụ Cloud Backup... Các dịch vụ này giúp Doanh



ngành có được một hạ tầng CNTT đủ năng lực đáp ứng các yêu cầu từ hoạt động sản xuất - kinh doanh, trong khi không tốn chi phí đầu tư và nhân sự quản trị.

❖ **Tháng 6/2013 đến nay: Chính thức cung cấp ICT One-stop Shop:**

Trên hạ tầng cáp quang hoàn chỉnh và eDatacenter tiêu chuẩn Tier-3, VNTT hợp tác cùng các đối tác Nhật Bản để cung cấp các dịch vụ ICT chất lượng cao đến Doanh nghiệp hoạt động trong các KCN tại Bình Dương. Dưới tên gọi ICT One-stop Shop, các dịch vụ VT-CNTT được chọn lọc và tối ưu để phù hợp nhất với nhu cầu, ngân sách và nhân lực IT của Doanh nghiệp sản xuất.

❖ **Tháng 7/2015: Chính thức đi vào hoạt động các ngành nghề, lĩnh vực kinh doanh mới:**

Khảo sát, tư vấn và thi công, lắp đặt các công trình về hệ thống phân phối điện trung thế, hạ thế, hệ thống máy biến áp, máy phát điện; hệ thống điện lạnh, hệ thống cấp thoát nước, hệ thống phòng cháy chữa cháy, hệ thống chống sét, các hệ thống đèn tín hiệu giao thông, đèn chiếu sáng công cộng...

❖ **Tháng 1/2019: Chính thức cung cấp dịch vụ phần mềm và chuyển đổi số**

Triển khai các phần mềm theo nhu cầu của khách hàng, phát triển các sản phẩm phần mềm đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số theo xu hướng công nghệ.

❖ **Thông tin về mô hình quản trị, cơ cấu bộ máy quản lý**

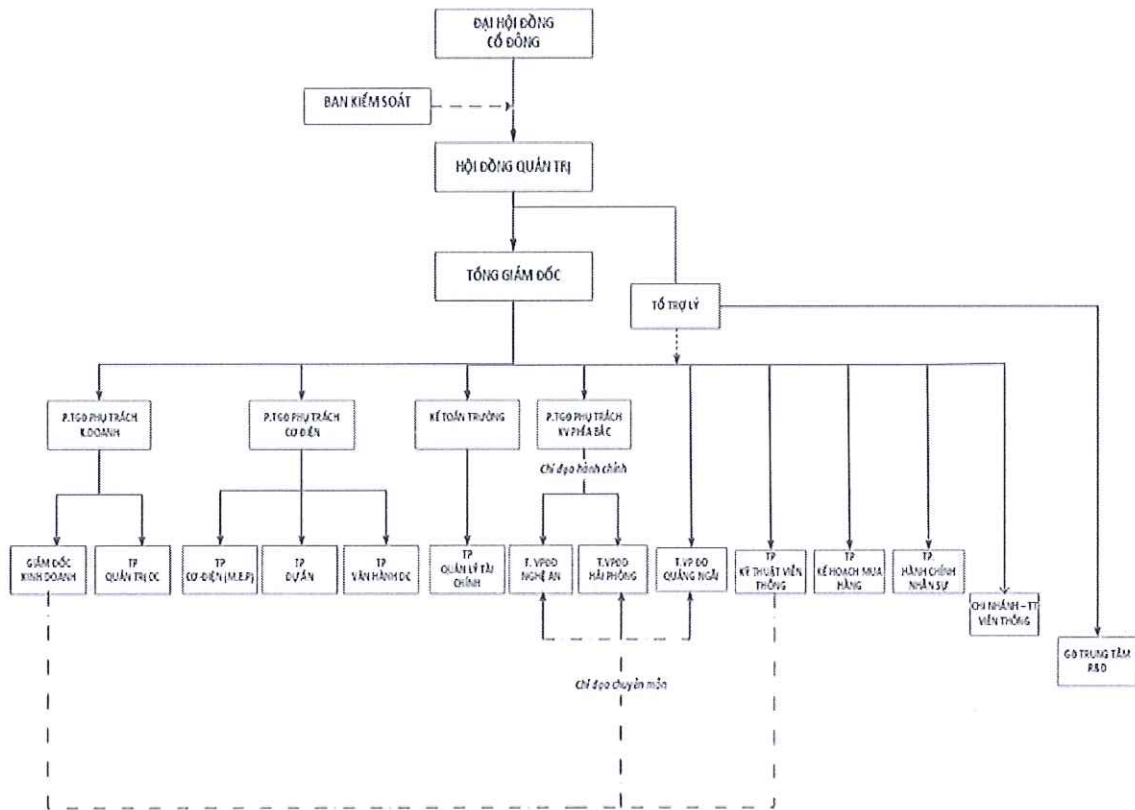
**Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ): Là cơ quan có thẩm quyền cao nhất trong Công ty, bao gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết.
- Hội đồng quản trị (HĐQT): là cơ quan quản lý Công ty, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định, thực hiện các quyền và nghĩa vụ của Công ty không thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông, cơ cấu Hội đồng quản trị hiện tại gồm có 5 thành viên.
- Ban kiểm soát: Là tổ chức thay mặt cổ đông để kiểm soát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát Công ty gồm 3 thành viên.
- Tổng Giám đốc: Là người điều hành công việc kinh doanh hằng ngày của công ty; chịu sự giám sát của Hội đồng quản trị; chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và trước pháp luật về việc thực hiện quyền, nghĩa vụ được giao.

**Cơ cấu bộ máy quản lý:**

0867  
ÔNG  
PH  
IG NC  
YÊN T  
ỆT NA  
MỘT-T





❖ **Định hướng phát triển**

❖ **Các mục tiêu chủ yếu của Công ty:**

VNTT không ngừng nỗ lực, liên tục đổi mới, làm phong phú các dịch vụ cung cấp cho khách hàng. VNTT không ngừng mở rộng và nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông: Mạng truy nhập hoàn toàn sử dụng công nghệ GPON tiên tiến. Kết nối đường trục dung lượng lớn của VNTT sử dụng công nghệ DWDM. Với nền tảng hạ tầng đồng bộ tại nhiều KCN ở Bình Dương và các KCN VSIP Bắc Ninh, Hải Phòng, Nghệ An, Quảng Ngãi..., cho phép chúng tôi cung cấp đến doanh nghiệp các dịch vụ viễn thông với tính ổn định và tốc độ cao.

Đối với dịch vụ DC, danh mục dịch vụ liên tục mở rộng với hệ thống dự phòng Cloud DR, công cụ backup/restore, giải pháp sao lưu Cloud Backup, gói dịch vụ ICT đa dạng One Stop Shop bao gồm Web Hosting, Mail Hosting, trích xuất dữ liệu, camera giám sát, phần mềm quản lý,... VNTT không ngừng nỗ lực hiện đại hóa công nghệ, gia tăng tối đa sức mạnh đường truyền, tìm kiếm những giải pháp ngày càng tân tiến để đáp ứng được nhu cầu ngày càng đa dạng và phức tạp của khách hàng.

VNTT đưa ra cách thức kinh doanh phù hợp hơn với điều kiện thực tế và nhu cầu của thị trường. Điển hình bằng việc mở rộng thị trường và đa dạng đối tượng khách hàng trong và ngoài nước. Từ chiến lược kinh doanh đơn lẻ, VNTT mạnh dạn chuyển sang kinh doanh dịch vụ kết hợp, trọn gói, nhằm tối ưu hóa tài nguyên, đáp ứng nhu cầu đa



97-  
 Y  
 N  
 HỆ  
 ĐỒNG  
 14  
 .INH T

dạng của khách hàng và mang lại giá trị gia tăng trong dịch vụ cung cấp. Nhờ đó, thu hút đối tượng khách hàng sang phạm vi các Tập đoàn lớn.

Nâng cao năng lực tài chính để đảm bảo nền tảng tài chính vững mạnh, chủ động về nguồn vốn đầu tư để hoạt động sản xuất kinh doanh ổn định và phát triển.

Đổi mới để phát triển, nâng cao năng lực quản trị, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, đóng góp vào công cuộc đổi mới của tinh nhà, đồng thời đem lại việc làm, tạo thu nhập, phúc lợi cho người lao động.

#### ❖ **Chiến lược phát triển trung hạn**

Dựa trên những mảng ngành nghề kinh doanh hiện có để kiện toàn quy trình làm việc và cũng như thêm những dịch vụ giá trị gia tăng cho các dịch vụ hiện tại.

Triển khai các dịch vụ mới:

- Phát triển phần mềm và các dịch vụ liên quan tới phần mềm (ITO/ITMS/AMS)
- Triển khai dịch vụ tư vấn giải pháp doanh nghiệp, cung cấp dịch vụ giám sát triển khai các giải pháp.
- Nghiên cứu và phát triển các ứng dụng và dịch vụ gia tăng cho hệ sinh thái của Becamex.

Trở thành một công ty công nghệ có tiếng ở Việt Nam với những giải pháp và ứng dụng được đồng đảo người dùng.

Phát triển các dịch vụ và giải pháp của VNTT ra bên ngoài hệ sinh thái của Becamex mà khách hàng chính là tập khách hàng của Becamex trong các khu công nghiệp. VNTT sẽ đem các dịch vụ có giá trị gia tăng để giúp các khách hàng của Becamex chuyển đổi số và quản trị tốt hơn.

VNTT mong muốn trở thành một công ty toàn cầu đem các giải pháp và dịch vụ của mình ra nước ngoài: Nhật, Singapore, Hàn Quốc là những mục đích kế tiếp.

VNTT cùng với NTTe-Asia xây dựng mạng Internet theo chất lượng Nhật Bản để nâng cao dịch vụ băng thông Internet, phát triển dịch vụ mạng Wifi đám mây, góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin cho Thành phố mới thông minh Bình Dương. Cụ thể, cùng với NTTe-Asia đưa dịch vụ mạng Wifi đám mây đến với các tòa chung cư, các tòa nhà văn phòng cũng như các doanh nghiệp, các trung tâm thương mại để tạo môi trường băng thông có tốc độ cao và hoạt động thông suốt.

#### ❖ **Các rủi ro:**

Tốc độ phát triển công nghệ thay đổi từng ngày sẽ ảnh hưởng lớn đến hiệu quả kinh doanh các thiết bị công nghệ, điện tử đã đầu tư với giá trị cao nếu khả năng khai thác không kịp và không hết công suất.

Các chính sách, quy định pháp luật của Việt Nam thường thay đổi bất ngờ, diễn ra quá nhanh trong thời gian ngắn. Trong khi đó, Công ty cần những chính sách ổn định lâu dài, minh bạch, để dự báo, áp dụng nhất quán để yên tâm sản xuất kinh doanh.



## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM 2020

### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

*ĐVT: Triệu đồng*

TT	Chỉ tiêu	NĂM 2020	So kế hoạch 2020		So cùng kỳ 2019	
			KH 2020	% so THKH	Năm 2019	% so 2019
<b>I.</b>	<b>Tổng doanh thu</b>	<b>328,519</b>	<b>361,000</b>	<b>91%</b>	<b>331,922</b>	<b>99%</b>
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ. <i>Trong đó:</i> - Dịch vụ viễn thông : 126,564 - Dịch vụ datacenter : 30,115 - Cơ điện, điện hạ tầng : 68,615 - Dự án hạ tầng viễn thông - CNTT : 28,781 - Bất động sản : 61,058	315,133	356,000	89%	253,299	124%
2.	Doanh thu hoạt động tài chính <sup>(1)</sup>	5,846	2,800	209%	6,132	95%
3.	Doanh thu khác <sup>(2)</sup>	7,540	2,200	343%	72,490	10%
<b>II.</b>	<b>Tổng chi phí</b>	<b>267,911</b>	<b>327,000</b>	<b>82%</b>	<b>239,383</b>	<b>112%</b>
1.	Giá vốn hàng bán	234,033	288,500	81%	212,083	110%
2.	Chi phí bán hàng & quản lý	32,324	32,000	101%	29,318	110%
3.	Chi phí tài chính <sup>(3)</sup>	1,553	6,000	26%	(2,547)	-
	<i>Chi phí lãi vay</i>	<i>5,373</i>	<i>6,000</i>	<i>90%</i>	<i>5,200</i>	<i>103%</i>
4.	Chi phí khác	1	500	0%	530	0%
<b>III.</b>	<b>Lợi nhuận trước thuế</b>	<b>60,608</b>	<b>34,000</b>	<b>178%</b>	<b>92,539</b>	<b>65%</b>
IV.	Thuế TNDN	12,455	7,500	166%	19,576	64%
<b>V.</b>	<b>Lợi nhuận sau thuế</b>	<b>48,153</b>	<b>26,500</b>	<b>182%</b>	<b>72,963</b>	<b>66%</b>

#### ❖ Đánh giá chung

- VNTT đạt kết quả kinh doanh năm 2020 khả quan, hoàn thành vượt kế hoạch lợi nhuận của Đại hội Cổ đông:
  - Lợi nhuận trước thuế đạt 60.6 tỷ đồng, hoàn thành 178% kế hoạch; Lợi nhuận sau thuế đạt trên 48 tỷ đồng, hoàn thành 182% kế hoạch;
  - Tổng doanh thu đạt 328.5 tỷ đồng, hoàn thành 91% kế hoạch;
  - Tổng chi phí cả năm bằng 82% so kế hoạch.
- Doanh thu từ dịch vụ viễn thông, datacenter hoàn thành/vượt kế hoạch cả năm; doanh thu dịch vụ Cơ điện, từ Dự án hạ tầng viễn thông - CNTT và từ Bất động sản không đạt kỳ vọng (*tỷ lệ hoàn thành trên 60%*). *Cụ thể:*



- Doanh thu Dịch vụ viễn thông đạt trên 126 tỷ đồng, hoàn thành 117% kế hoạch.
  - Doanh thu Dịch vụ datacenter đạt trên 30 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch.
  - Doanh thu từ dịch vụ Cơ điện xấp xỉ 69 tỷ, hoàn thành 74% kế hoạch.
  - Doanh thu từ Dự án hạ tầng viễn thông – CNTT xấp xỉ 29 tỷ, hoàn thành 64% kế hoạch.
  - Doanh thu từ Bất động sản đạt 61 tỷ, hoàn thành 76% kế hoạch.
- Cơ cấu doanh thu năm 2020 so với năm 2019 có sự thay đổi tỷ trọng của các dịch vụ do có sự đóng góp của doanh thu từ bất động sản (*năm 2019 không có*), tuy nhiên viễn thông vẫn là dịch vụ có doanh thu chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu toàn Công ty, chiếm 39%; Cơ điện chiếm 21%; Bất động sản chiếm 19%; Hạ tầng viễn thông – CNTT chiếm 9%; Datacenter chiếm 9%.
  - Tổng chi phí tăng 12% so với năm 2019, thực hiện 82% kế hoạch tổng chi phí cả năm. Chủ yếu do tăng chi phí giá vốn (+10% so với năm 2019, tương ứng với mức tăng 24% của Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ). Cơ cấu chi phí ổn định so với năm 2019: giá vốn chiếm 86%, chi phí quản lý và chi phí bán hàng chiếm 12%, chi phí lãi vay 2%.
- ❖ **Một số khó khăn trong hoạt động kinh doanh năm 2020**
- Khó khăn do tác động của dịch COVID-19:
    - Việc áp dụng các chính sách hỗ trợ theo đề nghị của khách hàng đã ảnh hưởng trực tiếp đến kế hoạch doanh thu và phát triển thuê bao dịch vụ viễn thông năm 2020. VNTT đã thực hiện các chính sách hỗ trợ theo đề nghị của một số khách hàng bị ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 như:
      - Giảm giá cước kỳ cước tháng 4,5,6/2020 và tiếp tục giảm giá cước 06 tháng liên tục từ kỳ cước tháng 9/2020 đến tháng 2/2021 do ảnh hưởng bởi dịch Covid-19 đợt 2, đối tượng được giảm cước: một số khách hàng doanh nghiệp lớn và tiềm năng của VNTT bị ảnh hưởng trực tiếp do dịch Covid-19;
      - Cho phép khách hàng, đối tác thanh toán công nợ chậm so với quy định: giãn nợ lên đến 60 ngày cho một số đối tác (CMC, FPT,...);
      - Không tạm ngưng dịch vụ do nợ cước đối với các khách hàng lớn có yêu cầu gia hạn nợ.
    - Dịch vụ Datacenter: do giãn cách xã hội nên phải tiếp thị khách hàng bằng hình thức online, telesales trong cuối Quý 1 và đầu Quý 2/2020.
  - Khó khăn do cạnh tranh với các đơn vị cùng ngành trong lĩnh vực cơ – điện, biên lợi nhuận thấp.
- ❖ **Kết quả đạt được trong hoạt động kinh doanh, điều hành năm 2020**





- Thành công trong việc thực hiện chiến lược phát triển của VNTT là lấy công nghệ ICT làm cốt lõi
  - Dịch vụ ICT mặc dù bị ảnh hưởng bởi dịch COVID-19 nhưng vẫn duy trì tốc độ tăng trưởng ổn định, trở nên chiếm ưu thế (*tổng doanh thu dịch vụ ICT tăng trưởng 30% so cùng kỳ, đóng góp trên 50% vào doanh thu toàn Công ty*); hoàn thành kế hoạch doanh thu cả năm; tăng trưởng thuê bao dịch vụ viễn thông mới ổn định qua từng tháng, vượt kế hoạch cả năm.
  - Chất lượng dịch vụ viễn thông ngày càng được nâng cao. Các chỉ tiêu về chất lượng dịch vụ vừa đảm bảo tuân thủ Tiêu chuẩn kỹ thuật quốc gia, vừa liên tục được cải tiến.
  - Doanh thu dịch vụ giá trị gia tăng (VAS) trong lĩnh vực ICT tăng trưởng mạnh, đáp ứng nhu cầu của khách hàng tạo lợi thế cạnh tranh, vừa gia tăng nguồn thu cho VNTT, vừa kích thích tăng trưởng, phát triển các sản phẩm mới phù hợp với công nghệ mới.
- Quá trình chuyển đổi số tại VNTT đã đạt được những kết quả nhất định
  - Triển khai thành công văn phòng điện tử (Eoffice) tại VNTT, các đơn vị thành viên trong hệ thống Becamex. Theo đó, hệ thống tài liệu của VNTT được cải tiến theo hướng tinh gọn, phù hợp với thực tế, tiến tới áp dụng 100% hệ thống tài liệu điện tử trong công việc và quản lý.
  - Đã và đang xây dựng, triển khai nhiều phần mềm giúp số hóa hoạt động của các bộ phận tại VNTT. Định hướng năm 2021 sẽ tiếp tục hoàn thiện, nâng cấp các ứng dụng, phần mềm.
- Dự án Smart City bước đầu đã xây dựng được kế hoạch dài hạn, mặc dù chưa đạt kết quả nổi bật nhưng đã tạo cơ hội phát triển kinh doanh cho năm 2021, định hướng sẽ tập trung phát triển hạ tầng, kinh doanh các giải pháp IoT cho Smart City bao gồm phần mềm phục vụ người dân và các giải pháp IoT quản lý môi trường, cơ sở hạ tầng, năng lượng.

Từ Quý 3/2020, VNTT đã hợp tác với OCG (đơn vị thành viên của NTTEast) triển khai mô hình giáo dục thông minh và chính thức cung cấp dịch vụ tại trường tiểu học Ngô Thời Nhiệm từ học kỳ đầu tiên của năm học 2020 – 2021 với tên thương hiệu J-smart Edu, tạo tiền đề cho dự án Smart City.

## 2. Cơ cấu tổ chức nhân sự

### Danh sách Ban điều hành

#### ❖ Ông Giang Quốc Dũng

- Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ngày sinh : 05/06/1974
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế
- Ngày bổ nhiệm: 05/4/2016
- Số cổ phần nắm giữ: Không

#### ❖ Ông Lê Xuân Vinh



- Chức vụ: Phó Tổng Giám đốc
- Ngày sinh: 08/11/1967
- Trình độ chuyên môn: Tiến sĩ kỹ thuật, ngành Viễn thông
- Ngày bổ nhiệm: 19/8/2009
- Số cổ phần nắm giữ: Không

❖ **Ông Lai Xuân Nghĩa**

- Chức vụ: Phó Tổng giám đốc
- Ngày sinh: 15/12/1975
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điện
- Ngày bổ nhiệm: 1/7/2015
- Số cổ phần nắm giữ: Không

❖ **Ông Nguyễn Văn Phúc**

- Chức vụ: Kế toán trưởng
- Ngày sinh: 22/03/1975
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế - Ngành kế toán
- Ngày bổ nhiệm: 27/2/2015
- Số cổ phần nắm giữ: Không

➤ **Số lượng nhân sự, Cơ cấu phòng ban**

- Tổng nhân năm 2020 là **315 người** (trong đó số lao động nữ là 61 nhân sự, chiếm 19% trên tổng số lao động), tăng 08 người so với đầu năm, tương ứng **tăng 2.6%**, chủ yếu do tăng bổ sung nhân sự theo định biên cho các Phòng/Trung tâm phục vụ nhu cầu phát triển của Công ty.
- Năm 2020, cơ cấu tổ chức công ty tiếp tục được cải tiến theo hướng tinh gọn, giảm thiểu nhân sự cấp quản lý cấp trung, hạn chế tăng nhân sự quản lý cấp cao, phát huy khả năng thông qua hình thức kiêm nhiệm, đảm bảo đáp ứng yêu cầu phát triển của Công ty. Đến nay, Công ty có 9 Phòng chức năng, 01 Tổ trợ lý, 01 Trung tâm nghiên cứu và phát triển.
- Xây dựng hệ thống quản trị nhân sự theo mô hình 3P:
  - Năm 2020, VNTT đã hoàn thiện việc chuẩn hóa: sơ đồ tổ chức, chức năng nhiệm vụ và định biên nhân sự trên cơ sở đồng thuận của các phòng chức năng nhằm đáp ứng mục tiêu và tầm nhìn phát triển của VNTT.
  - Hoàn thiện và chuẩn chỉnh hệ thống đánh giá hiệu quả công việc theo KPI ở cả 03 cấp độ Công ty, Phòng/Ban và từng cá nhân (P3);



- Hoàn thiện, xây dựng và đánh giá vị trí công việc trên cơ sở rà soát danh mục chức danh chức vụ, yêu cầu và tiêu chuẩn của từng vị trí việc làm, bám sát và so sánh với thị trường làm cơ sở trả lương, đào tạo và tuyển dụng nhân sự (P1);
- Đã hoàn thiện bước đầu trong việc xác định các nhóm năng lực gồm năng lực cốt lõi, năng lực lãnh đạo và năng lực chuyên môn từng bước tiến tới xây dựng và hoàn thiện bộ từ điển năng lực (P2).

### 3. Hoạt động hợp tác kinh doanh 2020

#### ➤ Hợp tác với VNPT Bình Dương (Hợp đồng 1808):

- Từ tháng 7/2020 triển khai hợp đồng cung cấp dịch vụ MyTV hình thức ký 03 bên (Trung tâm kinh doanh VNPT Bình Dương – VNTT – Khách hàng). Lộ trình thực hiện chuyển đổi toàn bộ hợp đồng hiện hữu đến hết tháng 12/2020.
- Phối hợp triển khai dịch vụ MyTV B2B đầu tiên tại tỉnh Bình Dương (khách sạn Becamex).
- Tăng cường và đẩy mạnh hợp tác dịch vụ Internet trực tiếp và thoại Siptrunk (chuyển chủ thể từ Trung tâm Hợp tác bán hàng Miền Nam sang Trung tâm kinh doanh VNPT Bình Dương).
- Kết quả hợp tác năm 2020, **tổng doanh thu đạt 32.8 tỷ đồng, hoàn thành 99% kế hoạch**, tăng 24% so với năm 2019; phát triển mới 2,784 thuê bao, nâng **tổng thuê bao dự án đến cuối năm 2020 đạt 11,662 thuê bao, hoàn thành 93% kế hoạch**, tăng 16% so với năm 2019.

#### ➤ Hợp tác với NTTe-Asia:

- Mặt đạt được:
  - Đã xây dựng xong bộ quy trình phối hợp trong việc: Thiết kế - Mua sắm – Thi công – Nghiệm thu – Đối soát vật tư/doanh thu.
  - Công tác phối hợp triển khai dự án ngày càng nhịp nhàng, hạn chế dần việc ký lùi ngày để hoàn tất hồ sơ nghiệm thu.
  - Thực hiện giám sát thi công, kiểm tra chất lượng hạ tầng OSP đầy đủ theo thỏa thuận giữa hai bên.
  - Thương hiệu J-Smart đã bắt đầu được thị trường chú ý, tạo thuận lợi cho chiến lược phát triển dịch vụ trong tương lai.
- Kết quả hợp tác năm 2020:
  - Sản lượng thuê bao phát triển mới năm 2020 theo hợp đồng hợp tác với NTTe-Asia đạt **1,453 thuê bao, hoàn thành 70% kế hoạch**;
  - Kết quả phát triển thuê bao mới chưa đạt kế hoạch do: (1) Ảnh hưởng tình hình chung dịch Covid-19 (chậm tiến độ hoạt động của các nhà đầu tư tại các khu công nghiệp Becamex và VSIP; biến động tạm ngưng/hủy dịch vụ tại các khu căn hộ,



chung cư (đối tượng thuê); (2) Ngoài ra, tình hình đầu tư hạ tầng viễn thông chậm so với kế hoạch.

4. **Tổng giá trị đầu tư năm 2020 đạt 38.1 tỷ đồng.** Trong đó, chủ yếu là đầu tư hệ thống mạng Core Router/VoiP/Server: 20.6 tỷ đồng; đầu tư hạ tầng viễn thông các khu công nghiệp, khu dân cư: 9.7 tỷ đồng; cải tạo các Phòng giao dịch/Phòng máy: 3.6 tỷ đồng.

5. **Tình hình tài chính**

❖ **Tình hình tài chính**

*DVT: Đồng*

STT	Chỉ tiêu tài chính	Năm 2019	Năm 2020
1	Tổng giá trị tài sản	673.305.930.735	486.014.327.938
2	Doanh thu thuần	253.299.422.575	315.133.358.483
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	20.579.035.602	53.068.529.386
4	Lợi nhuận khác	71.959.707.145	7.539.199.392
5	Lợi nhuận trước thuế	92.538.742.747	60.607.728.778
6	Lợi nhuận sau thuế	72.963.128.794	48.153.175.726

❖ **Các chỉ tiêu khác**

*DVT: Đồng*

Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020
<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán:</b>		
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,28	2,07
+ Hệ số thanh toán nhanh	0,83	1,11
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</b>		
+ Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,55	0,34
+ Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	1,23	0,52
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</b>		
+ Vòng quay hàng tồn kho	1,52	2,22
+ Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	0,37	0,68
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</b>		
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0,29	0,15
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,24	0,15
+ Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,10	0,11
+ Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,08	0,16



**6. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.**

**a) Cổ phần:**

Tổng số cổ phần:	24.485.000 cổ phần
Số lượng cổ phần đang lưu hành:	24.485.000 cổ phần
Trong đó cổ phần phổ thông:	24.485.000 cổ phần- Cổ phần ưu đãi: không
Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do:	24.485.000 cổ phần
Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật:	không

**b) Cơ cấu cổ đông: (danh sách cổ đông chốt ngày 19/03/2021)**

STT	Loại cổ đông	Số lượng cổ đông	Số cổ phần sở hữu	Tỷ lệ % sở hữu
<b>1</b>	<b>Cơ cấu cổ đông lớn và cổ đông nhỏ</b>			
a	Cổ đông lớn nắm giữ từ 5% tỷ lệ sở hữu	2	13.896.400	56,8%
b	Cổ đông nhỏ	2.341	10.588.600	43,2%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.343</b>	<b>24.485.000</b>	<b>100,0%</b>
<b>2</b>	<b>Cơ cấu cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân</b>			
a	Cổ đông là tổ chức	6	14.438.800	58,9%
b	Cổ đông cá nhân	2.337	10.046.200	41,1%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.343</b>	<b>24.485.000</b>	<b>100,0%</b>
<b>3</b>	<b>Cơ cấu cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài</b>			
a	Cổ đông trong nước	2.320	24.231.700	98,9%
b	Cổ đông nước ngoài	23	253.300	1,1%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.343</b>	<b>24.485.000</b>	<b>100,0%</b>
<b>4</b>	<b>Cơ cấu cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác</b>			
a	Cổ đông Nhà nước	2	13.896.400	56,8%
b	Các cổ đông khác	2.341	10.588.600	43,2%
	<b>Tổng cộng</b>	<b>2.343</b>	<b>24.485.000</b>	<b>100,0%</b>

**7. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty:**

**6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:**

Hoạt động kinh doanh chính của công ty là cung cấp dịch vụ viễn thông và thi công các công trình viễn thông, điện tử, điện, M&E do đó nguồn nguyên vật



liệu được mua và sử dụng dựa trên dự toán từng công trình nên việc quản lý rất chặt chẽ và tồn kho không đáng kể.

### 6.2. Tiêu thụ năng lượng:

Năng lượng tiêu thụ của Công ty là nguồn điện được cung cấp từ điện lưới của khu công nghiệp để phục vụ cho nhu cầu làm việc văn phòng và vận hành hệ thống DataCenter.

Về điện chiếu sáng, công ty đã chuyển sang sử dụng loại bóng đèn công nghệ led thay dần cho các loại truyền thống trước đây nhằm giảm tối đa lượng điện năng tiêu thụ, vừa tiết kiệm cho Công ty vừa giảm thiểu ảnh hưởng không tốt cho môi trường.

### 6.3. Tiêu thụ nước:

Nguồn cung cấp nước cho công ty sử dụng từ nhà máy nước trong khu công nghiệp và lượng nước sử dụng toàn Công ty khoảng 222.5 m<sup>3</sup>/tháng.

### 6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường và trong năm không có vi phạm lần nào.

### 6.5. Chính sách liên quan đến người lao động:

#### ❖ Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm 2019	Năm 2020	Kế hoạch Năm 2021	%2021 so 2020
Tổng số lao động	người	307	315	362	14.9%
Số lao động bình quân	người/tháng	300	312	354	13.5%
Lương bình quân/tháng	VNĐ/người	9,500,000	9,800,000	10,000,000	2.0%
Thu nhập bình quân/tháng	VNĐ/người	13,600,000	12,400,000	13,150,000	6.0%

#### ❖ Đào tạo cho nhân viên

Đã tổ chức nhiều khóa đào tạo bên ngoài, các khóa đào tạo nội bộ và đào tạo hội nhập cho cán bộ, nhân viên.

Ngoài ra, NTT e – Asia đã đào tạo cho CBNV một số khóa như:

- Đào tạo nâng cao trình độ của các kỹ sư.
- Đào tạo nâng cao trình độ của các nhân viên tiếp thị, bán hàng
- Đào tạo các phương pháp nâng cao chất lượng dịch vụ và giám sát chất lượng



### III. BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

#### 1. Kết quả hoạt động kinh doanh năm 2020

*ĐVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	% TH 2020/KH 2020
1	Tổng doanh thu	361,000	328,519	91%
2	Tổng chi phí	327,000	267,911	82%
3	Lợi nhuận trước thuế	34,000	60,608	178%
4	Lợi nhuận sau thuế	26,500	48,153	182%

#### 2. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

- Quản trị theo tình hình thực tế của Công ty trong từng thời điểm, nắm bắt kịp thời nhu cầu của khách hàng để đề xuất Hội đồng quản trị xem xét, chỉ đạo đầu tư có hiệu quả.
- Công ty ban hành chính sách lương, thưởng đảm bảo tính công bằng, chế độ đãi ngộ hợp lý để thu hút nguồn nhân lực có chất lượng cao, bồi dưỡng đào tạo nhân sự chủ chốt.
- Quản trị tuân thủ pháp luật, Điều lệ Công ty.
- Thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường hướng tới mục tiêu phát triển bền vững gắn với môi trường và cộng đồng.
- Đẩy mạnh công tác tiếp thị, nâng cao chất lượng sản phẩm và dịch vụ khách hàng.

#### 3. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty

- Công ty tuân thủ nghiêm chỉnh pháp luật về bảo vệ môi trường, mức tiêu thụ nước cũng như năng lượng điện ở mức vừa phải và các loại phát thải chỉ loại thông thường và ở mức không đáng kể.
- Công ty chăm lo đầy đủ các chính sách cho người lao động về an toàn lao động, an toàn sức khỏe cũng như trả lương đúng kỳ, đúng hạn và chưa để xảy ra bất cứ tai nạn lao động nào.
- VNTT chú trọng đến các công tác xã hội, cụ thể VNTT cùng với NTT Việt Nam trao hàng trăm suất quà cho trẻ em nghèo và những hộ gia đình khó khăn trên địa bàn phường Hòa Phú nhân dịp tết trung thu và tết nguyên đán vừa qua.

### IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

#### 1. Hoạt động của HĐQT về Ban Giám đốc công ty:

- Trong năm 2020 HĐQT đã thực hiện giám sát chặt chẽ hoạt động của TGD trong việc triển khai thực hiện các nghị quyết của ĐHĐCĐ và HĐQT.



- Theo dõi việc hoàn thành các chỉ tiêu chính trong năm mà TGD đã cam kết thực hiện theo Nghị quyết ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Yêu cầu TGD thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động trong các cuộc họp định kỳ hàng quý của HĐQT.

Hội đồng quản trị đánh giá Ban điều hành và các cấp đã rất nỗ lực trong việc thực hiện các mục tiêu kinh doanh của Công ty để phù hợp với những biến động và ảnh hưởng của dịch Covid 19 trong năm qua, với một số chỉ tiêu kinh doanh chính đạt được trong năm 2020 như sau:

- ✓ Tổng Doanh thu 328,51 tỷ đồng, đạt 91% so với kế hoạch
- ✓ Tổng Chi phí 267,91 tỷ đồng, đạt 82% so với kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận trước thuế 60,60 tỷ đồng, đạt 178% so với kế hoạch
- ✓ Lợi nhuận sau thuế 48,1 tỷ đồng, đạt 182% so với kế hoạch

## 2. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị:

### a) Các chỉ tiêu kế hoạch kinh doanh năm 2021:

Trên cơ sở dự báo và đánh giá tình hình thực hiện các nhiệm vụ đề ra, Hội đồng quản trị Công ty VNTT thống nhất các chỉ tiêu Kế hoạch kinh doanh năm 2021 như sau:

*DVT: Triệu đồng*

STT	Chỉ tiêu	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	% KH 2021/ TH 2020
1	Tổng doanh thu, thu nhập khác	328,519	377,000	115%
2	Tổng chi phí	267,911	332,000	124%
3	Lợi nhuận trước thuế	60,608	45,000	74%
4	Lợi nhuận sau thuế	48,153	35,500	74%

### b) Kế hoạch hoạt động của Hội đồng quản trị năm 2021:

Hội đồng quản trị Công ty thống nhất định hướng một số nhiệm vụ trọng tâm cần thực hiện trong năm 2021 như sau:

VNTT tiếp tục xây dựng hệ thống trả lương theo mô hình 3P, đánh giá vị trí công việc theo phương pháp luận MILKOVICH. Hệ thống này giúp doanh nghiệp trả lương công bằng, tương xứng với từng vị trí công việc và theo lương thị trường; Xây dựng Bộ từ điển năng lực: xác định các nhóm năng lực gồm năng lực cốt lõi, năng lực lãnh đạo và năng lực chuyên môn. Trong thời gian tới, VNTT tiếp tục xây dựng và hoàn thiện bộ từ điển năng lực, triển khai vận hành theo hướng số hóa toàn bộ Dự án lương 3P và từ điển năng lực nhằm thu hút nguồn nhân lực, đặc biệt nguồn nhân lực chất lượng cao đóng góp vào sự phát triển của Công ty.





Để góp phần xây dựng Thành phố mới Bình Dương trở thành một khu đô thị văn minh, hiện đại đang mở ra những cơ hội kinh doanh rất lớn cho VNPT cũng phải đối mặt với những thách thức lớn về xu thế phát triển công nghệ đối với lĩnh vực hoạt động của VNPT. Vì vậy, Hội đồng Quản trị Công ty quyết định sẽ thành lập công ty con (VNPT Solutions) để tập trung xây dựng Giải pháp doanh nghiệp (Enterprise Business Solution), Dịch vụ chuyển đổi số (Digital Services), Dịch vụ gia công (ITO/AMS), Nghiên cứu và phát triển (R&D) nhằm đáp ứng nhu cầu phát triển của Công ty.

Tiếp tục hợp tác và đồng hành cùng Viễn thông Bình Dương (VNPT Bình Dương) cũng là cổ đông lớn của VNPT. Ngoài các sản phẩm/dịch vụ hiện đang hợp tác cung cấp đối trong hợp đồng 1808, VNPT và VNPT Bình Dương mở rộng hợp tác dịch vụ phát sóng di động tại các tòa nhà (IBS); đẩy mạnh phát triển mảng đại lý (hóa đơn điện tử, CA-BHXH) cho các khách hàng doanh nghiệp trong khu; tăng cường hợp tác các dịch vụ GTGT khác (dịch vụ DC, chuyển đổi số, mảng dịch vụ di động,...); thực hiện chuyển đổi các thuê bao thoại tồn tại sang hợp đồng hợp tác thoại siptrunk.

VNPT cùng với NTTe-Asia xây dựng mạng Internet theo chất lượng Nhật Bản để nâng cao dịch vụ băng thông Internet, phát triển dịch vụ mạng Wifi đám mây, góp phần phát triển hạ tầng công nghệ thông tin cho Thành phố mới thông minh Bình Dương. Cụ thể, cùng với NTTe-Asia đưa dịch vụ mạng Wifi đám mây đến với các tòa chung cư, các tòa nhà văn phòng cũng như các doanh nghiệp, các trung tâm thương mại để tạo môi trường băng thông có tốc độ cao và hoạt động thông suốt.

Đầu tư hạ tầng viễn thông phục vụ cho hợp đồng BCC và cam kết đầu tư để thiết lập mạng viễn thông công cộng trên toàn quốc trong giai đoạn (2021 – 2026).

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY

### 1. Hội đồng quản trị

#### a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị:

Nhiệm kỳ của thành viên HĐQT Công ty VNPT là 05 (năm), bao gồm các thành viên:

- Ông Huỳnh Quang Hải                      Chủ tịch HĐQT
- Ông Giang Quốc Dũng                      Phó Chủ tịch HĐQT thường trực kiêm TGĐ
- Bà Võ Thị Thanh Hương                      Phó Chủ tịch HĐQT
- Ông Nguyễn Bá Thước                      Thành viên HĐQT
- Ông Quảng Văn Viết Cường                      Thành viên HĐQT

#### b) Hoạt động của Hội đồng quản trị:

✓ Các Nghị quyết/Quyết định đã ban hành trong năm 2021

STT	Số NQ/QĐ	Ngày	Nội dung
1	01/2020/NQ-HDQT	12/2/2020	Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên 2020



2	02/2020/NQ-HĐQT	19/3/2020	Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
3	03/2020/NQ-HĐQT	25/3/2020	Thoái vốn góp tại Công ty CP Becamex Bình Định
4	04/2020/NQ-HĐQT	010/6/2020	<p>Thông qua tài liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo tài chính năm 2019, Báo cáo của Hội đồng quản trị và Báo cáo của Ban kiểm soát.</li> <li>- Thông qua Báo cáo của Tổng giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.</li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.</li> <li>- Thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và Thư ký HĐQT năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020.</li> <li>- Thông qua việc ủy quyền cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C để thực hiện báo cáo tài chính năm 2020.</li> <li>- Thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn Điều lệ trong năm 2020.</li> <li>- Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là 49%.</li> </ul>
5	05/2020/NQ-HĐQT	11/06/2020	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua kết quả 4 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch hành động 6 tháng cuối năm 2020.</li> <li>- Ủy quyền cho Chủ tịch HĐQT quyết định chọn thời gian thanh toán 10% cổ tức còn lại của năm 2019 trong quý 3/2020 và ngày chốt quyền nhận cổ tức.</li> <li>- Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, cải tạo các điểm giao dịch và hạ tầng viễn thông trong năm 2020.</li> <li>- Thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với Chi nhánh – Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.</li> </ul>
6	06/2020/NQ-HĐQT	29/07/2020	Bầu lại các chức danh trong HĐQT



7	07/2020/QĐ-HĐQT	26/08/2020	- Chốt lại danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2019.
8	08/2020/NQ-HĐQT	31/08/2020	Thông qua vay vốn tại ngân hàng BIDV
9	09/2020/NQ-HĐQT	31/12/2020	Bổ nhiệm Người phụ trách công ty kiêm Thư ký công ty.

Trong năm 2020, để chỉ đạo, giám sát hoạt động kinh doanh của Công ty, Hội đồng quản trị đã tổ chức 08 phiên họp nhằm triển khai thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, đồng thời chỉ đạo, giải quyết kịp thời những phát sinh đảm bảo cho hoạt động của Công ty đạt hiệu quả và đúng định hướng phát triển của Hội đồng quản trị.

Tháng 3/2020, Hội đồng quản trị quyết định thoái vốn góp tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định để cơ cấu lại nguồn vốn đầu tư cũng như bổ sung nguồn vốn đầu tư cho các năm tới.

Tháng 9/2020, Công ty VNTT đã thực hiện chi trả cổ tức năm 2019 cho cổ đông theo đúng Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 thông qua ngày 12/06/2020.

Tháng 12/2020, Hội đồng quản trị quyết định bổ nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty kiêm Thư ký Công ty theo quy định Luật Doanh nghiệp 2020 và Luật Chứng khoán 2019 có hiệu lực từ ngày 01/01/2021.

Hội đồng quản trị phối hợp chặt chẽ với Ban kiểm soát thực hiện giám sát và hỗ trợ Ban điều hành nâng cao hiệu quả của hệ thống kiểm soát, tính phù hợp và tin cậy của Báo cáo tài chính cũng như quản trị doanh nghiệp.

## 2. Ban Kiểm soát

### a. Hoạt động của Ban kiểm soát

**Ban kiểm soát công ty CP Công nghệ và Truyền thông Việt Nam gồm 3 thành viên:**

- Đặng Thanh Hưng – Trưởng Ban kiểm soát
- Nguyễn Thị Thanh Nhân – Thành viên BKS
- Nguyễn Thị Thuỳ Dương – Thành viên BKS

Trong năm, Ban kiểm soát đã thực hiện các hoạt động như sau:

- Kiểm tra giám sát thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị, thực hiện nghị quyết của Đại hội Cổ đông.
- Kiểm tra giám sát việc tổ chức điều hành của Ban giám đốc.
- Kiểm tra Báo cáo tài chính năm của Công ty và báo cáo kiểm toán.

### b. Kết quả kiểm tra của Ban kiểm soát

#### ❖ Đánh giá hoạt động của HĐQT:

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Công nghệ và Truyền thông Việt Nam gồm 5 thành viên. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị đã triển khai thực hiện Nghị Quyết Đại hội



đồng cổ đông, tiến hành các phiên họp và ban hành các Nghị quyết đúng chức năng nhiệm vụ với các nội dung chính như sau:

STT	Biên bản/Nghị quyết	Ngày họp	Nội dung chính
1	01/2020/NQ-HĐQT	12/02/2020	- Triệu tập ĐHĐCĐ thường niên năm 2020
2	02/2020/NQ-HĐQT	19/03/2020	- Gia hạn thời gian tổ chức ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 (lý do ảnh hưởng dịch bệnh).
3	03/2020/NQ-HĐQT	25/03/2020	- Thoái vốn góp tại Công ty CP Becamex Bình Định.
4	04/2020/NQ-HĐQT	10/06/2020	Thông qua tại liệu họp ĐHĐCĐ thường niên năm 2020 bao gồm các nội dung: <ul style="list-style-type: none"> <li>- Thông qua Báo cáo Tài chính năm 2019, Báo cáo của HĐQT, Ban kiểm soát.</li> <li>- Thông qua Báo cáo của Tổng Giám đốc về kết quả kinh doanh năm 2019 và kế hoạch kinh doanh năm 2020.</li> <li>- Thông qua phương án phân phối lợi nhuận năm 2019 và kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2020.</li> <li>- Thông qua mức chi trả thù lao cho HĐQT, BKS và thư ký HĐQT năm 2019 và kế hoạch chi trả năm 2020.</li> <li>- Thông qua UQ cho HĐQT lựa chọn đơn vị kiểm toán độc lập Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C để thực hiện kiểm toán Báo cáo Tài chính năm 2020.</li> <li>- Thông qua tỷ lệ sở hữu của nhà đầu tư nước ngoài tại công ty là 49%.</li> </ul>
5	05/2020/NQ-HĐQT	11/06/2020	- Thông qua kết quả hoạt động 4 tháng đầu năm 2020 và kế hoạch hành động 6 tháng cuối năm 2020. <ul style="list-style-type: none"> <li>- Ủy quyền cho chủ tịch HĐQT quyết định chọn thời gian thanh toán 10% cổ tức còn lại của năm 2019 trong quý 3 năm 2020 và ngày chốt quyền nhận cổ tức.</li> </ul>

C.T.Ư. DƯỠNG



			<ul style="list-style-type: none"> <li>- Phê duyệt chủ trương đầu tư xây dựng, cải tạo các điểm giao dịch và hạ tầng viễn thông trong năm 2020.</li> <li>- Thông qua hợp đồng hợp tác kinh doanh với Chi nhánh Tập đoàn Công nghiệp Viễn thông Quân đội.</li> </ul>
6	06/2020/NQ-HDQT	29/07/2020	- Bầu lại các chức danh trong HĐQT.
7	07/2020/NQ-HDQT	26/08/2020	- Chốt lại danh sách cổ đông để chi trả cổ tức năm 2019.
8	08/2020/NQ-HDQT	31/08/2020	- Thông qua vay vốn tại Ngân hàng BIDV.
9	09/2020/NQ-HDQT	31/12/2020	- Bổ nhiệm người phụ trách công ty kiêm thư ký công ty.

Về cơ bản các nội dung nghị quyết của ĐHĐCĐ đều được HĐQT bám sát để chỉ đạo các hoạt động kinh doanh của Công ty, thực hiện tốt các chủ trương, chiến lược đề ra. Xây dựng cơ chế kiểm tra, giám sát hoạt động của TGD trong việc thực hiện các nghị quyết, quyết định và chỉ đạo của HĐQT và ĐHĐCĐ, định kỳ yêu cầu TGD thực hiện báo cáo kết quả kinh doanh và tình hình hoạt động của Công ty. Các cuộc họp của HĐQT được duy trì định kỳ theo quy định và họp bất thường khi cần thiết, đảm bảo số lượng thành viên dự họp và biểu quyết thông qua theo luật định, các nội dung, vấn đề được nêu ra.

❖ **Đánh giá hoạt động của Ban Tổng giám đốc:**

**Tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2020:**

Chỉ tiêu	TH năm 2019	Năm 2020		So với cùng kỳ	So với kế hoạch
		Kế hoạch	Thực hiện		
Doanh thu (tr.đ)	331.922	361.000	328.520	98,98%	91,0%
Lợi nhuận trước thuế (tr.đ)	92.539	34.000	60.608	65,49%	178,3%
LN sau thuế (tr.đ)	72.963	26.500	48.153	66,0%	181,7%

Tổng doanh thu thực hiện năm 2020 của Công ty là 328.520 triệu đồng, đạt 91,0% so với kế hoạch kinh doanh do Đại hội đồng cổ đông thông qua, tăng trưởng âm 1,0% so



với cùng kỳ năm 2019. Các khoản chi phí như giá vốn, chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp tăng hơn so với năm 2019 (chi phí giá vốn tăng 10,3%, chi phí bán hàng tăng 23,7%, chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 4,26%). Tổng doanh thu năm 2020 tăng trưởng âm là do phần thu nhập khác giảm so với năm 2019 mức giảm gần 65 tỷ đồng, nếu loại trừ yếu tố thu nhập khác và thu nhập tài chính thì doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm 2020 tăng 24,4% so với cùng kỳ, mức tăng 61.844 triệu đồng.

Trong năm 2020 Công ty có phát sinh khoản doanh thu thu từ việc kinh doanh Bất động sản với giá trị 61.058 triệu đồng.

Trong năm 2020 tiếp tục thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh với đối tác NTTV, giá trị doanh thu phân chia cho NTTV trong năm 2020 là 12.209 triệu đồng (bao gồm VAT). Trong năm 2021, đơn vị tiếp tục thực hiện theo dõi, đánh giá hiệu quả của hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác.

### Tình hình tài chính:

Tình hình tài chính của công ty được đánh giá qua một số chỉ tiêu cơ bản sau:

TT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Tại ngày 31/12/2019	Tại ngày 31/12/2020
<b>1</b>	<b>Bố trí cơ cấu tài sản và nguồn vốn</b>			
1.1	Cơ cấu tài sản NH = Tài sản NH/Tổng tài sản	%	69,70%	62,65%
1.2	Cơ cấu tài sản DH = Tài sản DH/Tổng tài sản	%	30,30%	37,35%
1.2	Cơ cấu vốn nợ = Nợ phải trả/Vốn CSH	%	123%	51,54%
1.3	Cơ cấu nguồn vốn = Vốn CSH/Tổng nguồn vốn	%	44,89%	66,0%
<b>2</b>	<b>Khả năng thanh toán</b>			
2.1	Khả năng T/Toán Tổng quát = Tổng TS/Nợ phải trả	Lần	1,81	2,94
2.2	Khả năng T/Toán NH = TSLĐ/Nợ NH	Lần	1,28	2,07
2.3	Khả năng TT nhanh = (TSNH-Hàng TK)/Nợ NH	Lần	0,83	1,11
2.4	H/Số TT tức thì = Tiền & T/Đương tiền/Nợ NH	Lần	0,10	0,08
<b>3</b>	<b>Hệ số khả năng sinh lời</b>			
3.1	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn CSH (ROE)	%	24,14%	21,18%
3.2	Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/Vốn Điều lệ	%	29,80%	19,67
3.3	Lãi cơ bản trên CP= LNST/CP thực góp	Vnd/ CP	2.771	1.827

### ❖ Kết quả thẩm định Báo cáo Tài chính năm 2020:



Báo cáo tài chính năm 2020 của Công ty được lập theo đúng chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành. Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo việc sổ sách kế toán thích hợp được lưu trữ để phản ánh tình hình Tài chính của đơn vị, với mức độ chính xác, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào.

Ban kiểm soát thống nhất các số liệu báo cáo về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh cũng như báo cáo lưu chuyển tiền tệ của Công ty năm 2020 mà Hội đồng quản trị đã đệ trình trước Đại hội cổ đông đã phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu, phù hợp với các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam.

❖ **Đánh giá sự phối hợp giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc**

Trong thời gian qua, Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc và các phòng ban Công ty đã cung cấp cho Ban kiểm soát thông tin tài liệu, các báo cáo một cách kịp thời, tạo điều kiện để Ban kiểm soát hoàn thành nhiệm vụ. Ban kiểm soát được mời tham dự một số cuộc họp của Hội đồng quản trị.

❖ **Kiến nghị và Kết luận**

Trong năm 2020, doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ tăng so với năm 2019 mức tăng 24,4% mặc dù tổng doanh thu không đạt Kế hoạch, do năm 2019 có khoản thu nhập khác từ việc chuyển nhượng các tài sản cố định đã đầu tư trong những năm trước. Đối với thỏa thuận thanh toán giá chuyển nhượng và chia doanh thu từ 5.861 thuê bao FTTH với NTTV trong năm 2020 đơn vị phân chia doanh thu 12.209 triệu đồng (bao gồm VAT). Trong năm 2021, đơn vị tiếp tục thực hiện theo dõi, đánh giá hiệu quả của hợp đồng hợp tác kinh doanh với các đối tác

Trong năm 2021, với công cuộc chuyển đổi số đối với quốc gia, chính quyền, doanh nghiệp đang chuyển biến mạnh mẽ; đây là thị trường tiềm năng để cung cấp dịch vụ số vì vậy bên cạnh các dịch vụ cơ bản đơn vị cần đầu tư nguồn lực hoặc hợp tác với các nhà cung cấp dịch vụ CNTT để thực hiện chuyển đổi số cho các doanh nghiệp SME trong khu vực nhằm tăng doanh thu và thị phần đối với khối khách hàng này.

## II. BÁO CÁO TÀI CHÍNH



# **BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2020**

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ &  
TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**



## MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán độc lập	6
4. Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020	7 - 10
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	11
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	12 - 13
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020	14 - 42
8. Phụ lục	43 - 46

\*\*\*\*\*

**BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

**Khái quát về Công ty**

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3700861497, đăng ký lần đầu ngày 02 tháng 01 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 10 tháng 4 năm 2017 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Dương cấp.

**Trụ sở chính**

Địa chỉ : 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương.  
Điện thoại : (84 - 274) 3 635 201  
Fax : (84 - 274) 3 635 200

Công ty có các đơn vị trực thuộc sau:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam – Trung tâm phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, xã An Lư, huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, xã Tịnh Phong, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, xã Hưng Tây, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là:

- Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống;
- Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình điện, điện tử; Công trình điện lạnh; Công trình cấp thoát nước; Công trình phòng cháy chữa cháy;
- Đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê;
- Sản xuất máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính;
- Sản xuất sản phẩm điện tử dân dụng;
- Sản xuất thiết bị và dụng cụ quang học;
- Sản xuất thiết bị điện khác;
- Sản xuất máy móc và thiết bị văn phòng (trừ máy vi tính và thiết bị ngoại vi của máy vi tính);
- Sửa chữa thiết bị điện tử và quang học;
- Sửa chữa thiết bị điện;
- Sửa chữa thiết bị khác;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác;
- Bán buôn máy vi tính, thiết bị ngoại vi và phần mềm;

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy nông nghiệp;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác;
- Bán buôn tổng hợp;
- Bán lẻ máy vi tính, thiết bị ngoại vi, phần mềm và thiết bị viễn thông trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ thiết bị nghe nhìn trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh;
- Hoạt động truyền hình;
- Chương trình cáp, vệ tinh và các chương trình thuê bao khác;
- Hoạt động viễn thông không dây;
- Hoạt động viễn thông vệ tinh;
- Hoạt động viễn thông khác;
- Lập trình máy vi tính;
- Xử lý dữ liệu, cho thuê và các hoạt động liên quan;
- Cổng thông tin;
- Hoạt động thông tấn;
- Dịch vụ thông tin khác chưa được phân vào đâu;
- Hoạt động thiết kế chuyên dụng;
- Cho thuê xe có động cơ;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác;
- Dịch vụ hỗ trợ giáo dục;
- Sửa chữa máy vi tính và thiết bị ngoại vi;
- Sửa chữa thiết bị liên lạc;
- Sửa chữa thiết bị nghe nhìn điện tử gia dụng;
- Sửa chữa thiết bị, đồ dùng gia đình;
- Sửa chữa giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự;
- Sửa chữa đồ dùng cá nhân và gia đình khác;
- Lắp đặt hệ thống điện;
- Lắp đặt, bảo dưỡng hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống lò sưởi và điều hòa không khí;
- Dịch vụ viễn thông;
- Lắp đặt, bảo dưỡng các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; Công trình phòng cháy chữa cháy; Công trình điện tử;
- Sản xuất, gia công, xuất khẩu phần mềm;
- Mua bán các sản phẩm phần mềm;
- Sản xuất, lắp ráp, xuất nhập khẩu, bảo hành, bảo dưỡng và kinh doanh các thiết bị phục vụ ngành công nghệ thông tin, điện tử, tự động, viễn thông, thiết bị văn phòng và dân dụng;
- Cung cấp các dịch vụ tư vấn về chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Đào tạo chuyển giao công nghệ trong lĩnh vực viễn thông và công nghệ thông tin;
- Bán buôn vật liệu xây dựng (trừ hoạt động bến thủy nội địa);
- Bán buôn thiết bị điện và linh kiện điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, phòng cháy chữa cháy;
- Bán buôn thiết bị văn phòng và dân dụng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

## Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Các thành viên Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

### Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
	Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
Ông Huỳnh Quang Hải	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
	Phó Chủ tịch	Miễn nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
	Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 7 năm 2020
Bà Võ Thị Thanh Hương	Phó Chủ tịch	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Ông Nguyễn Bá Thước	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Quảng Văn Việt Cường	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

### Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Đặng Thanh Hưng	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2019
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017

### Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm
Ông Giang Quốc Dũng	Tổng Giám đốc	Tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017
Ông Lê Xuân Vinh	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 19 tháng 8 năm 2009
Ông Lai Xuân Nghĩa	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 7 năm 2015
Ông Ngô Duy Khang	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 11 tháng 01 năm 2021

### Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Giang Quốc Dũng – Tổng Giám đốc (tái bổ nhiệm ngày 12 tháng 4 năm 2017).

### Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Công ty.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**  
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

---

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,



*Giang Quốc Dũng*  
Giang Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Ngày 19 tháng 3 năm 2021



Số: 1.0439/21/TC-AC

**BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP****Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 15 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 46, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

**Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

**Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.


Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.


**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&amp;C



Nguyễn Minh Trí - Phó Tổng Giám đốc  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 0089-2018-008-1



Nguyễn Thị Phước Tiên - Kiểm toán viên  
Số Giấy CNDKHN kiểm toán: 1199-2018-008-1

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 3 năm 2021

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>A - TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>304.464.464.871</b>	<b>469.225.327.032</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>V.1</b>	<b>11.407.864.584</b>	<b>38.415.028.456</b>
1. Tiền	111		11.407.864.584	38.415.028.456
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>20.200.735.900</b>
1. Chứng khoán kinh doanh	121	V.2a	-	24.019.900.000
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122	V.2a	-	(3.819.164.100)
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		-	-
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>150.417.298.339</b>	<b>241.115.104.003</b>
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	85.351.295.104	104.757.285.842
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	5.494.296.159	7.229.143.137
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	V.5	50.000.000.000	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.6a	13.622.774.643	132.736.613.966
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.7	(4.051.067.567)	(3.607.938.942)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>141.909.586.324</b>	<b>166.241.115.394</b>
1. Hàng tồn kho	141	V.8	141.909.586.324	166.241.115.394
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>729.715.624</b>	<b>3.253.343.279</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9a	582.888.069	910.158.335
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	2.273.879.651
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.15	146.827.555	69.305.293
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>B- TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>181.549.863.067</b>	<b>204.080.603.703</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>81.672.386</b>	<b>75.018.631</b>
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.6b	81.672.386	75.018.631
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>157.215.523.402</b>	<b>150.711.456.330</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.10	150.959.078.804	146.440.922.687
- Nguyên giá	222		280.551.361.742	247.143.658.053
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(129.592.282.938)	(100.702.735.366)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	6.256.444.598	4.270.533.643
- Nguyên giá	228		14.399.700.882	12.077.973.609
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(8.143.256.284)	(7.807.439.966)
<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>230</b>		-	-
- Nguyên giá	231		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	232		-	-
<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>240</b>		<b>12.852.784.194</b>	<b>10.263.169.162</b>
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	V.12	12.852.784.194	10.263.169.162
<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		-	<b>30.000.000.000</b>
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252	V.2b	-	30.000.000.000
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		-	-
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>11.399.883.085</b>	<b>13.030.959.580</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.9b	11.399.883.085	13.030.959.580
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>486.014.327.938</b>	<b>673.305.930.735</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>C - NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>165.287.220.360</b>	<b>371.070.427.865</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>146.823.946.839</b>	<b>366.482.285.933</b>
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.13	37.759.102.748	100.940.091.720
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.14	16.087.826.411	4.775.569.085
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.15	8.543.617.013	7.360.426.310
4. Phải trả người lao động	314	V.16	5.146.597.987	3.562.269.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	7.672.979.582	11.160.680.660
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	V.18	11.382.878.908	9.299.308.969
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.19a,c	7.382.191.857	159.609.276.079
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.20a,c	49.744.031.988	67.607.888.764
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	V.21a	1.836.131.940	2.166.774.666
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.22	1.268.588.405	-
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>18.463.273.521</b>	<b>4.588.141.932</b>
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	V.18	756.000.000	513.777.781
7. Phải trả dài hạn khác	337	V.19b,c	4.386.060.677	3.217.322.568
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.20b,c	12.676.271.500	-
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342	V.21b	644.941.344	857.041.583
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
<b>D - VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>320.727.107.578</b>	<b>302.235.502.870</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>		<b>320.727.107.578</b>	<b>302.235.502.870</b>
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411	V.23	244.850.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		244.850.000.000	244.850.000.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418	V.23	23.814.527.751	1.925.589.113
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420	V.23	439.285.060	439.285.060
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421	V.23	51.623.294.767	55.020.628.697
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		3.470.119.041	55.020.628.697
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối kỳ này	421b		48.153.175.726	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		-	-
<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>486.014.327.938</b>	<b>673.305.930.735</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021

  
 Nguyễn Xuân Hạnh  
 Người lập

  
 Nguyễn Văn Phúc  
 Kế toán trưởng

  
 Giang Quốc Dũng  
 Tổng Giám đốc



**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

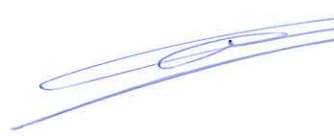
Đơn vị tính: VND


CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1	315.133.358.483	253.299.422.575
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		315.133.358.483	253.299.422.575
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.2	234.032.950.655	212.082.651.761
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		81.100.407.828	41.216.770.814
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3	5.845.989.535	6.132.385.612
7. Chi phí tài chính	22	VI.4	1.553.238.176	(2.547.417.473)
Trong đó: chi phí lãi vay	23		5.308.845.704	5.199.935.575
8. Chi phí bán hàng	25	VI.5	11.147.362.841	9.006.733.675
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VI.6	21.177.266.960	20.310.804.622
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		53.068.529.386	20.579.035.602
11. Thu nhập khác	31	VI.7	7.540.644.084	72.489.950.231
12. Chi phí khác	32	VI.8	1.444.692	530.243.086
13. Lợi nhuận khác	40		7.539.199.392	71.959.707.145
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		60.607.728.778	92.538.742.747
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.15	12.454.553.052	19.575.613.953
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>48.153.175.726</u>	<u>72.963.128.794</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9	<u>1.827</u>	<u>2.771</u>
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VI.9	<u>1.827</u>	<u>2.771</u>



Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021

  
Nguyễn Xuân Hạnh  
Người lập

  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

  
Giang Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh</b>				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		60.607.728.778	92.538.742.747
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.10; V.11	29.299.989.420	21.833.424.849
- Các khoản dự phòng	03	V.2a	(3.918.778.440)	(7.728.845.371)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	115.527	637.772
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	VI.3	(3.694.757.350)	(4.067.149.300)
- Chi phí lãi vay	06	VI.4	5.308.845.704	5.199.935.575
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		87.603.143.639	107.776.746.272
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		142.505.558.755	(108.870.105.136)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		24.331.529.070	(115.921.559.049)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		(199.810.812.056)	200.268.557.835
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		2.544.093.506	(663.478.611)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13	V.2a	24.019.900.000	24.980.100.000
- Tiền lãi vay đã trả	14	V.17; V1.4	(5.427.701.393)	(5.222.296.433)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.15	(14.137.613.952)	(22.317.442.065)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.22; V.23	(3.838.830.613)	-
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>	<b>20</b>		<b>57.789.266.956</b>	<b>80.030.522.813</b>
<b>II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	V.10; V.11; V.12; VII	(35.682.970.293)	(19.543.369.636)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		-	372.727.273
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	V.5	(80.000.000.000)	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	V.5	30.000.000.000	-
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	(30.000.000.000)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26	V.2b	30.000.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	V.6a; VI.3	3.633.579.268	3.913.685.259
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	<b>30</b>		<b>(52.049.391.025)</b>	<b>(45.256.957.104)</b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH


Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

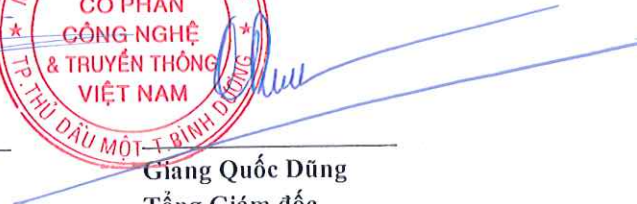
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
<b>III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.20	112.299.560.595	181.447.845.926
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.20	(117.487.145.871)	(176.517.026.186)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	V.19a; V.23	(27.559.339.000)	(4.779.205.000)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	<i>40</i>		<i>(32.746.924.276)</i>	<i>151.614.740</i>
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(27.007.048.345)	34.925.180.449
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	38.415.028.456	3.490.485.779
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	VI.4	(115.527)	(637.772)
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	<u>11.407.864.584</u>	<u>38.415.028.456</u>

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021

  
Nguyễn Xuân Hạnh  
Người lập

  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

  
Giang Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

## BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

#### 1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### 2. Lĩnh vực kinh doanh

Công ty kinh doanh trong nhiều lĩnh vực khác nhau.

#### 3. Ngành nghề kinh doanh

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin và tích hợp hệ thống; Khảo sát, tư vấn các công trình viễn thông, công nghệ thông tin và tự động; công trình điện, điện tử; công trình điện lạnh; công trình cấp thoát nước; công trình phòng cháy chữa cháy; Đại lý kinh doanh hàng hóa và thiết bị điện, điện tử, điện lạnh, viễn thông, công nghệ thông tin, vật liệu xây dựng, thiết bị văn phòng và dân dụng và kinh doanh bất động sản.

#### 4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

#### 5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong năm có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Trong năm, Công ty đã hoàn tất việc chuyển nhượng toàn bộ khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cho Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore. Ngoài ra, Công ty mở rộng thêm hoạt động bán hàng hóa bất động sản làm cho doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ năm nay tăng lên đáng kể so với năm trước.

#### 6. Cấu trúc Công ty

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam – Trung tâm phân phối thiết bị viễn thông, công nghệ thông tin.	Số 2, đường Tiên Phong 3, Khu liên hợp Công nghiệp – Dịch vụ - Đô thị Bình Dương, phường Phú Hòa, TP. Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương.
Văn phòng đại diện tại TP. Hải Phòng – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 3, Đường Bắc Nam, Khu đô thị, công nghiệp và dịch vụ VSIP Hải Phòng, Xã An Lữ, Huyện Thủy Nguyên, TP. Hải Phòng.
Văn phòng đại diện tại Quảng Ngãi – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 8 Đại lộ Hữu Nghị, Khu công nghiệp Việt Nam Singapore, Xã Tịnh Phong, Huyện Sơn Tịnh, Tỉnh Quảng Ngãi.
Văn phòng đại diện tại Nghệ An – Công ty Cổ phần Công nghệ & Truyền thông Việt Nam	Số 11, Đường số 1, Khu công nghiệp VSIP Nghệ An, Xã Hưng Tây, Huyện Hưng Nguyên, Tỉnh Nghệ An.

#### 7. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của năm trước so sánh được với số liệu của năm nay.

#### 8. Nhân viên

Tại ngày kết thúc năm tài chính Công ty có 315 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 307 nhân viên).

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

---

## II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

### 1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

### 2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### 2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

### 1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### 2. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được quy đổi theo tỷ giá tại ngày này.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch. Tỷ giá giao dịch thực tế đối với các giao dịch bằng ngoại tệ được xác định như sau:

- Đối với hợp đồng mua bán ngoại tệ (hợp đồng mua bán ngoại tệ giao ngay, hợp đồng kỳ hạn, hợp đồng tương lai, hợp đồng quyền chọn, hợp đồng hoán đổi): tỷ giá ký kết trong hợp đồng mua, bán ngoại tệ giữa Công ty và ngân hàng.
- Đối với các khoản góp vốn hoặc nhận vốn góp: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản để nhận vốn của nhà đầu tư tại ngày góp vốn.
- Đối với nợ phải thu: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty chỉ định khách hàng thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty dự kiến giao dịch tại thời điểm giao dịch phát sinh.
- Đối với các giao dịch mua sắm tài sản hoặc các khoản chi phí được thanh toán ngay bằng ngoại tệ (không qua các tài khoản phải trả): tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Công ty thực hiện thanh toán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc năm tài chính được xác định theo nguyên tắc sau:

- Đối với các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng: tỷ giá mua ngoại tệ của ngân hàng nơi Công ty mở tài khoản ngoại tệ.
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là tài sản khác: tỷ giá mua ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).
- Đối với các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được phân loại là nợ phải trả: tỷ giá bán ngoại tệ của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (Ngân hàng Công ty thường xuyên có giao dịch).

### 3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn. Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 03 tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

### 4. Các khoản đầu tư tài chính

#### *Chứng khoán kinh doanh*

Khoản đầu tư được phân loại là chứng khoán kinh doanh khi nắm giữ vì mục đích mua bán để kiếm lời.

Chứng khoán kinh doanh được ghi sổ kế toán theo giá gốc. Giá gốc của chứng khoán kinh doanh được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản thanh toán tại thời điểm giao dịch phát sinh cộng các chi phí liên quan đến giao dịch mua chứng khoán kinh doanh.

Thời điểm ghi nhận các khoản chứng khoán kinh doanh là thời điểm Công ty có quyền sở hữu, cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm khớp lệnh (T+0).
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết: được ghi nhận tại thời điểm chính thức có quyền sở hữu theo quy định của pháp luật.

Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi chứng khoán kinh doanh được mua được hạch toán giảm giá trị của chính chứng khoán kinh doanh đó. Tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi chứng khoán kinh doanh được mua được ghi nhận doanh thu.

Cổ phiếu hoán đổi được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày trao đổi. Giá trị hợp lý của cổ phiếu được xác định như sau:

- Đối với cổ phiếu của công ty niêm yết, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa niêm yết trên thị trường chứng khoán tại ngày trao đổi. Trường hợp tại ngày trao đổi thị trường chứng khoán không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết được giao dịch trên sàn UPCOM, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá giao dịch đóng cửa trên sàn UPCOM tại ngày trao đổi. Trường hợp ngày trao đổi sàn UPCOM không giao dịch thì giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá đóng cửa phiên giao dịch trước liền kề với ngày trao đổi.
- Đối với cổ phiếu chưa niêm yết khác, giá trị hợp lý của cổ phiếu là giá do các bên thỏa thuận theo hợp đồng hoặc giá trị sổ sách tại thời điểm trao đổi.



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá trị hợp lý thấp hơn giá gốc. Giá trị hợp lý của chứng khoán kinh doanh đối với chứng khoán niêm yết trên thị trường chứng khoán là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến thời điểm kết thúc năm tài chính.

Tăng, giảm số dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

Lãi hoặc lỗ từ việc chuyển nhượng chứng khoán kinh doanh được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính. Giá vốn được xác định theo phương pháp nhập trước xuất trước.

## **Các khoản cho vay**

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi của các khoản cho vay được lập căn cứ vào dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

## **Các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

### **Công ty liên kết**

Công ty liên kết là doanh nghiệp mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhưng không kiểm soát các chính sách này.

### **Ghi nhận ban đầu**

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu.

### **Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết**

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi công ty liên kết bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại công ty liên kết và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ sở hữu vốn điều lệ thực góp của Công ty tại công ty liên kết. Nếu công ty liên kết là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty liên kết cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính.

## **5. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có) hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu cước dịch vụ viễn thông, công nghệ thông tin, truyền hình trả sau, bán lẻ hàng hóa theo hình thức trả chậm/trả góp của các cá nhân đã quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 tháng đến dưới 06 tháng.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 09 tháng.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 09 tháng đến dưới 12 tháng.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 12 tháng trở lên.
- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán khác:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 06 tháng đến dưới 01 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 01 năm đến dưới 02 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 02 năm đến dưới 03 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 03 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dư dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## 6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc năm tài chính được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## 7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí thuê đất, vật tư thiết bị khảo sát và chi phí xây dựng, sửa chữa. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

### *Công cụ, dụng cụ*

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

### *Chi phí thuê đất*

Chi phí thuê đất là khoản tiền thuê đã trả cho phần đất Công ty đang sử dụng. Chi phí thuê đất được phân bổ theo thời hạn qui định trên hợp đồng thuê đất.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## *Vật tư, thiết bị khảo sát*

Vật tư, thiết bị lắp đặt công trình đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 05 năm.

## *Chi phí xây dựng, sửa chữa*

Chi phí xây dựng, sửa chữa được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 03 năm.

## *Các chi phí khác*

Các chi phí khác được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 02 năm.

## **8. Tài sản thuê hoạt động**

Thuê tài sản được phân loại là thuê hoạt động nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người cho thuê. Chi phí thuê hoạt động được phân ánh vào chi phí theo phương pháp đường thẳng cho suốt thời hạn thuê tài sản, không phụ thuộc vào phương thức thanh toán tiền thuê.

## **9. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	02 – 25
Máy móc và thiết bị	03 – 15
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	05 – 20
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 05
Tài sản cố định hữu hình khác	03 – 05

## **10. Tài sản cố định vô hình**

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong năm.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

## *Quyền sử dụng đất*

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ,... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

## *Chương trình phần mềm máy tính*

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 02 - 05 năm.

## **11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp (bao gồm cả chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty) đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

## **12. Hợp đồng hợp tác kinh doanh**

### *Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát*

Công ty ghi nhận trên Báo cáo tài chính các hợp đồng hợp tác kinh doanh dưới hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát các nội dung sau:

- Giá trị tài sản mà Công ty hiện sở hữu.
- Các khoản nợ phải trả mà Công ty phải gánh chịu.
- Doanh thu được chia từ việc bán hàng hóa hoặc cung cấp dịch vụ của liên doanh.
- Các khoản chi phí phải gánh chịu.

## **13. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc năm tài chính.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 14. Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, việc thanh toán nghĩa vụ nợ này có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế và giá trị của nghĩa vụ nợ đó có thể được một ước tính đáng tin cậy.

Nếu ảnh hưởng của thời gian là trọng yếu, dự phòng sẽ được xác định bằng cách chiết khấu số tiền phải bỏ ra trong tương lai để thanh toán nghĩa vụ nợ với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và những rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Khoản tăng lên của số dự phòng do thời gian trôi qua được ghi nhận là chi phí tài chính.

Các khoản dự phòng phải trả của Công ty chỉ có dự phòng bảo hành công trình xây dựng:

Dự phòng bảo hành công trình xây dựng được lập cho từng công trình xây dựng có cam kết bảo hành.

Mức trích lập dự phòng bảo hành bằng 03% trên tổng giá trị công trình (năm trước là 03%). Tỷ lệ này được ước tính dựa trên các dữ liệu về chi phí bảo hành trong những năm trước và tỷ lệ gia quyền của tất cả các hậu quả có thể xảy ra với các xác suất tương ứng. Khi hết thời gian bảo hành, khoản dự phòng bảo hành công trình xây dựng không sử dụng hoặc sử dụng không hết được ghi nhận vào thu nhập khác.

## 15. Vốn chủ sở hữu

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

## 16. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt và khi có thông báo chi trả cổ tức của Hội đồng quản trị.

## 17. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

### *Doanh thu bán hàng hóa*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## ***Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền***

Doanh thu bán bất động sản phân lô bán nền đối với hợp đồng không hủy ngang được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sử dụng đất cho người mua.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán nền đất.
- Công ty đã thu được hoặc chắc chắn sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán nền đất.

## ***Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại dịch vụ đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại dịch vụ đã cung cấp.
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào thời điểm báo cáo.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc năm tài chính.

## ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

## ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

## ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn.

## **18. Hợp đồng xây dựng**

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy:

- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo tiến độ kế hoạch: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành do Công ty tự xác định vào ngày kết thúc năm tài chính.
- Đối với các hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện: doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính được một cách đáng tin cậy:

- Doanh thu chỉ được ghi nhận tương đương với chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc hoàn trả là tương đối chắc chắn.
- Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận vào chi phí khi đã phát sinh.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Chênh lệch giữa tổng doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã ghi nhận và khoản tiền lũy kế ghi trên hóa đơn thanh toán theo tiến độ kế hoạch của hợp đồng được ghi nhận là khoản phải thu hoặc phải trả theo tiến độ kế hoạch của các hợp đồng xây dựng.

### 19. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

### 20. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

### 21. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

#### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

#### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## 22. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## 23. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

## V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

### 1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Tiền mặt	573.496.729	969.190.264
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	10.834.367.855	37.445.838.192
<b>Cộng</b>	<b><u>11.407.864.584</u></b>	<b><u>38.415.028.456</u></b>



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 2. Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư tài chính của Công ty bao gồm chứng khoán kinh doanh và đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết. Thông tin về các khoản đầu tư tài chính của Công ty như sau:

#### 2a. Chứng khoán kinh doanh

Số đầu năm là khoản đầu tư Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương. Trong năm Công ty đã bán toàn bộ 2.401.990 Cổ phiếu của Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.819.164.100	-
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	11.613.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(3.819.164.100)	(7.793.835.900)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>3.819.164.100</b>

#### 2b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Số đầu năm là khoản đầu tư vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định với số tiền là 30.000.000.000 VND, tương đương 30% vốn điều lệ theo Nghị quyết số 06/2017/NQ-HĐQT ngày 25 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng quản trị.

Ngày 27 tháng 03 năm 2020, Công ty đã ký hợp đồng chuyển nhượng toàn bộ 3.000.000 cổ phần tại Công ty Cổ phần Becamex Bình Định cho bên nhận chuyển nhượng là Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore với giá trị chuyển nhượng là 30.000.000.000 VND. Hợp đồng chuyển nhượng này đã chuyển giao toàn bộ quyền và nghĩa vụ phát sinh từ quyền sở hữu cổ phần nói trên của Công ty cho Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore kể từ ngày hoàn thành thủ tục chuyển nhượng cổ phần và tên của Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore được ghi nhận vào sổ cổ đông của Công ty Cổ phần Becamex Bình Định. Tính đến thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2020, việc chuyển nhượng này đã hoàn tất.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	11.613.000.000
Chuyển từ dài hạn sang ngắn hạn	-	(11.613.000.000)
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>-</b>

*Giao dịch với công ty liên kết*

Công ty chỉ phát sinh giao dịch với Công ty Cổ phần Becamex Bình Định là công ty liên kết như sau:

	Năm nay	Năm trước
Góp vốn	-	30.000.000.000
Chuyển tiền hộ Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore theo thỏa thuận	-	120.000.000.000

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<b><i>Phải thu các bên liên quan</i></b>	<b><i>61.666.665.598</i></b>	<b><i>73.453.091.231</i></b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	20.710.668.426	26.326.627.317
Công ty Cổ phần SetiaBecamex	17.250.507.780	868.894.400
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	6.936.861.700	2.898.120.501
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật Becamex Bình Phước	6.770.615.066	19.800.000
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	3.728.242.256	30.833.986.826
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore	2.057.602.664	1.368.171.552
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương	1.595.726.043	5.304.656.319
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị	1.497.980.637	2.166.449.851
Công ty TNHH Becamex Tokyu	729.085.479	894.329.533
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	207.868.898	35.096.247
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	112.021.348	2.509.895.166
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex	31.575.500	197.516.848
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương	28.749.001	22.917.068
Công ty Cổ phần Bệnh Viện Mỹ Phước	7.510.800	4.979.603
Công ty Cổ phần Dược Enlie	1.650.000	1.650.000
<b><i>Phải thu các khách hàng khác</i></b>	<b><i>23.684.629.506</i></b>	<b><i>31.304.194.611</i></b>
<b>Cộng</b>	<b><u>85.351.295.104</u></b>	<b><u>104.757.285.842</u></b>

**4. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi nhánh Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Bru điện	2.596.723.593	2.596.723.593
Công ty Cổ phần Phát triển Công nghệ Viễn thông Tin học Sun Việt	753.594.930	-
Công ty Điện lực Bình Dương	712.356.110	688.368.024
Công ty TNHH Máy tính Nét	-	3.027.581.940
Các nhà cung cấp khác	1.431.621.526	916.469.580
<b>Cộng</b>	<b><u>5.494.296.159</u></b>	<b><u>7.229.143.137</u></b>

**5. Phải thu về cho vay ngắn hạn**

Khoản cho Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP (là bên liên quan) vay với lãi suất 7,7%/năm, thời hạn vay 06 tháng.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Phải thu khác****6a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>1.102.525.218</b>	<b>-</b>	<b>125.215.591.099</b>	<b>-</b>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Doanh thu trích trước	564.988.608	-	4.739.232.571	-
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP – Lãi dự thu	61.178.082	-	-	-
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông - Ký quỹ ngắn hạn	12.000.000	-	12.000.000	-
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ ngắn hạn	9.480.328	-	9.480.328	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ ngắn hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định – Chuyển tiền hộ Công ty TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore theo thỏa thuận	-	-	120.000.000.000	-
Ông Lê Xuân Vinh - Tạm ứng	453.878.200	-	453.878.200	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>12.520.249.425</b>	<b>-</b>	<b>7.521.022.867</b>	<b>-</b>
Tạm ứng	8.980.771.124	-	6.951.196.824	-
Các khoản ký quỹ ngắn hạn	188.535.067	-	194.070.906	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	3.350.943.234	-	375.755.137	-
<b>Cộng</b>	<b>13.622.774.643</b>	<b>-</b>	<b>132.736.613.966</b>	<b>-</b>

**6b. Phải thu dài hạn khác**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>18.625.000</b>	<b>-</b>	<b>1.000.000</b>	<b>-</b>
Công ty Liên Doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore - Ký quỹ dài hạn	17.625.000	-	-	-
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật - Ký quỹ dài hạn	1.000.000	-	1.000.000	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>63.047.386</b>	<b>-</b>	<b>74.018.631</b>	<b>-</b>
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn	63.047.386	-	74.018.631	-
<b>Cộng</b>	<b>81.672.386</b>	<b>-</b>	<b>75.018.631</b>	<b>-</b>

**7. Nợ xấu**

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là cá nhân				
<i>Từ 03 đến 06 tháng</i>	110.794.109	77.555.876	112.942.569	79.059.798
<i>Từ 06 đến 09 tháng</i>	94.814.448	47.407.224	96.314.701	48.157.351
<i>Từ 09 đến 12 tháng</i>	180.473.895	54.142.169	78.564.789	23.569.437
<i>Trên 12 tháng</i>	792.823.599	-	458.825.911	-
Tiền bán hàng và cung cấp dịch vụ phải thu của các khách hàng là tổ chức				
<i>Dưới 01 năm</i>	66.526.539	46.568.577	182.915.826	128.041.078

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Thời gian quá hạn	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	131.944.785	65.972.393	186.146.349	93.073.175
Từ trên 02 năm đến dưới 03 năm	164.447.025	49.334.107	69.105.462	20.731.638
Trên 03 năm	276.344.011	-	231.359.916	-
Tiền tạm ứng phải thu của các cá nhân				
Trên 03 năm	2.309.450.910	-	2.309.450.910	-
Tiền trả trước phải thu của các nhà cung cấp				
Từ trên 01 năm đến dưới 02 năm	1.653.974	826.987	1.364.000	682.000
Từ trên 02 đến dưới 03 năm	4.829.000	1.448.700	3.694.400	1.108.320
Trên 03 năm	260.221.305	-	271.676.906	-
<b>Cộng</b>	<b>4.394.323.600</b>	<b>343.256.033</b>	<b>4.002.361.739</b>	<b>394.422.797</b>

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	3.607.938.942	2.905.123.778
Trích lập dự phòng bổ sung	443.128.625	702.815.164
<b>Số cuối năm</b>	<b>4.051.067.567</b>	<b>3.607.938.942</b>

**8. Hàng tồn kho**

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	27.516.759.579	-	26.331.130.508	-
Công cụ, dụng cụ	255.070.807	-	62.549.925	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	49.223.019.199	-	30.137.520.132	-
Hàng hóa	64.914.736.739	-	109.709.914.829	-
<b>Cộng</b>	<b>141.909.586.324</b>	<b>-</b>	<b>166.241.115.394</b>	<b>-</b>

**9. Chi phí trả trước****9a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	332.427.348	633.979.030
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	250.460.721	276.179.305
<b>Cộng</b>	<b>582.888.069</b>	<b>910.158.335</b>

**9b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối năm	Số đầu năm
Công cụ dụng cụ	1.695.769.701	2.748.831.885
Chi phí thuê đất	7.232.209.934	7.432.243.550
Vật tư, thiết bị khảo sát	62.464.211	69.051.427
Chi phí xây dựng, sửa chữa	1.721.262.608	2.595.377.179
Các chi phí trả trước dài hạn khác	688.176.631	185.455.539
<b>Cộng</b>	<b>11.399.883.085</b>	<b>13.030.959.580</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**10. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định hữu hình khác	Cộng
<b>Nguyên giá</b>						
Số đầu năm	15.947.930.894	179.644.565.184	49.863.744.783	985.790.192	701.627.000	247.143.658.053
Mua trong năm	-	8.483.744.815	-	20.329.090	-	8.504.073.905
Đầu tư xây dựng cơ bản hoàn thành	731.945.935	17.398.116.690	4.484.326.729	116.954.593	59.323.740	22.790.667.687
Kết chuyển từ chi phí trả trước	-	-	2.773.334.372	-	-	2.773.334.372
Xử lý các tài sản đã hết sử dụng	-	(660.372.275)	-	-	-	(660.372.275)
<b>Số cuối năm</b>	<b>16.679.876.829</b>	<b>204.866.054.414</b>	<b>57.121.405.884</b>	<b>1.123.073.875</b>	<b>760.950.740</b>	<b>280.551.361.742</b>
<i>Trong đó:</i>						
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	1.151.055.132	12.967.959.322	5.133.918.670	600.269.837	66.000.000	19.919.202.961
Chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn</b>						
Số đầu năm	4.736.905.056	74.911.552.492	20.071.219.861	662.465.430	320.592.527	100.702.735.366
Khấu hao trong năm	946.922.057	22.167.673.433	5.605.740.274	107.781.487	136.055.851	28.964.173.102
Kết chuyển từ chi phí trả trước	-	-	585.746.745	-	-	585.746.745
Xử lý các tài sản đã hết sử dụng	-	(660.372.275)	-	-	-	(660.372.275)
<b>Số cuối năm</b>	<b>5.683.827.113</b>	<b>96.418.853.650</b>	<b>26.262.706.880</b>	<b>770.246.917</b>	<b>456.648.378</b>	<b>129.592.282.938</b>
<b>Giá trị còn lại</b>						
Số đầu năm	11.211.025.838	104.733.012.692	29.792.524.922	323.324.762	381.034.473	146.440.922.687
<b>Số cuối năm</b>	<b>10.996.049.716</b>	<b>108.447.200.764</b>	<b>30.858.699.004</b>	<b>352.826.958</b>	<b>304.302.362</b>	<b>150.959.078.804</b>
<i>Trong đó:</i>						
Tạm thời chưa sử dụng	-	-	-	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-	-	-	-

Một số tài sản cố định hữu hình có nguyên giá và giá trị còn lại theo sổ sách lần lượt là 119.709.248.858 VND và 58.849.456.350 VND đã được thế chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương (xem thuyết minh số V.20).

**11. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm máy tính	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	8.188.487.917	12.077.973.609
Mua trong năm	-	2.321.727.273	2.321.727.273
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.889.485.692</b>	<b>10.510.215.190</b>	<b>14.399.700.882</b>
<i>Trong đó:</i>			
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	7.518.362.917	7.518.362.917
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Số đầu năm	-	7.807.439.966	7.807.439.966
Khấu hao trong năm	-	335.816.318	335.816.318
<b>Số cuối năm</b>	<b>-</b>	<b>8.143.256.284</b>	<b>8.143.256.284</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Số đầu năm	3.889.485.692	381.047.951	4.270.533.643
<b>Số cuối năm</b>	<b>3.889.485.692</b>	<b>2.366.958.906</b>	<b>6.256.444.598</b>
<i>Trong đó:</i>			
Tạm thời không sử dụng	-	-	-
Đang chờ thanh lý	-	-	-

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển giảm khác	Số cuối năm
Mua sắm tài sản cố định	-	10.825.801.178	(10.825.801.178)	-	-
Xây dựng cơ bản dở dang	10.263.169.162	27.892.198.235	(22.790.667.687)	(2.511.915.516)	12.852.784.194
<i>Hạng mục nâng cấp hạ tầng mạng viễn thông tại KCN VSIP Hải Phòng giai đoạn 1</i>	4.613.703.458	140.056.000	(4.673.428.121)	(80.331.337)	-
<i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông cho các Khu dân cư K,J,L,I,H,G Mỹ Phước 3</i>	1.493.292.983	888.850.190	(988.570.926)	(281.477.785)	1.112.094.462
<i>Hạng mục đầu tư hạ tầng mạng Viễn thông Mỹ Phước 4</i>	996.853.758	152.317.000	(149.889.204)	(127.135.537)	872.146.017
<i>Hạng mục xây dựng, cải tạo phòng giao dịch Mỹ Phước 3</i>	151.159.891	1.732.411.471	(849.526.195)	(1.732.000)	1.032.313.167
<i>Hạng mục thi công hệ thống viễn thông KCN VSIP 2 Mở rộng</i>	55.759.540	2.100.477.483	(321.530.656)	(46.117.802)	1.788.588.565
<i>Hạng mục đầu tư hệ thống Core router và Core Firewall</i>	-	13.032.547.417	(13.032.547.417)	-	-
<i>Các công trình khác</i>	2.952.399.532	9.845.538.674	(2.775.175.168)	(1.975.121.055)	8.047.641.983
<b>Cộng</b>	<b>10.263.169.162</b>	<b>38.717.999.413</b>	<b>(33.616.468.865)</b>	<b>(2.511.915.516)</b>	<b>12.852.784.194</b>

## 13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<b>8.977.967.323</b>	<b>60.920.410.599</b>
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương	5.942.857.999	57.879.307.014
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP	2.987.462.427	2.987.605.524
Công ty TNHH MTV Thương Mại Becamex	29.994.013	27.520.188
Công ty TNHH Becamex Tokyu	17.652.884	4.979.553
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex	-	4.987.290
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông	-	16.011.030
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<b>28.781.135.425</b>	<b>40.019.681.121</b>
Trung tâm Kinh doanh VNPT – Bình Dương – Chi nhánh Tổng Công ty Dịch vụ Viễn thông	8.213.082.559	8.570.399.836
Công ty Cổ phần Cấp và Thiết bị Viễn thông	2.537.514.297	7.511.545.735
Các nhà cung cấp khác	18.030.538.569	23.937.735.550
<b>Cộng</b>	<b>37.759.102.748</b>	<b>100.940.091.720</b>

Công ty không có nợ phải trả người bán quá hạn chưa thanh toán.

## 14. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Trả trước của bên liên quan</i>	-	<b>4.052.733.751</b>
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật	-	4.052.733.751
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	<b>16.087.826.411</b>	<b>722.835.334</b>
Văn phòng Điều hành NTT VIETNAM Corporaion tại Bình Dương	11.603.869.920	-
Công ty Cổ phần Công Nghệ Tiên Phong	2.480.098.851	-
Các khách hàng khác	2.003.857.640	722.835.334
<b>Cộng</b>	<b>16.087.826.411</b>	<b>4.775.569.085</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****15. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Số đầu năm		Số phát sinh trong năm		Số cuối năm	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã thực nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	-	69.305.293	9.479.445.414	(6.553.026.026)	2.926.419.388	146.827.555
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	-	13.749.116	(13.749.116)	-	-
Thuế xuất, nhập khẩu	-	-	11.659.589	(11.659.589)	-	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.266.128.920	-	12.454.553.052	(14.137.613.952)	5.583.068.020	-
Thuế thu nhập cá nhân	94.297.390	-	1.248.240.020	(1.308.407.805)	34.129.605	-
Các loại thuế khác	-	-	8.000.000	(8.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>7.360.426.310</b>	<b>69.305.293</b>	<b>23.215.647.191</b>	<b>(22.032.456.488)</b>	<b>8.543.617.013</b>	<b>146.827.555</b>

**Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Phần mềm tin học Không chịu thuế
- Hàng hóa và dịch vụ khác 10%

**Thuế xuất, nhập khẩu**

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

**Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	60.607.728.778	92.538.742.747
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	3.481.242.947	8.221.715.017
- Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
Thu nhập chịu thuế	64.088.971.725	100.760.457.764
Thu nhập được miễn thuế	(2.401.990.000)	(2.882.388.000)
Thu nhập tính thuế	61.686.981.725	97.878.069.764
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>12.337.396.345</b>	<b>19.575.613.953</b>
<b>Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước</b>	<b>117.156.707</b>	<b>-</b>
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp</b>	<b>12.454.553.052</b>	<b>19.575.613.953</b>

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

**Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

**16. Phải trả người lao động**

Lương tháng 12 và tiền thưởng còn phải trả cho người lao động.

**17. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Chi phí công trình	1.167.368.048	4.230.956.400
Chi phí lãi vay	461.650.474	580.506.163
Chi phí doanh thu phân chia phải trả	3.798.414.998	6.179.218.097
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.245.546.062	170.000.000
<b>Cộng</b>	<b><u>7.672.979.582</u></b>	<b><u>11.160.680.660</u></b>

**18. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn/dài hạn**

Khoản tiền cho thuê kênh nhận trước.

**19. Phải trả khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>729.671.289</i>	<i>5.950.070.000</i>
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Cổ tức phải trả	-	5.948.200.000
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP - Phải trả khác	-	1.870.000
Thường ban điều hành	729.671.289	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	<i>6.652.520.568</i>	<i>153.659.206.079</i>
Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế	182.891.200	174.217.200
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	5.129.111.100	2.186.098.100
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore – Nhận trước tiền chuyển nhượng vốn góp	-	30.000.000.000
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore – Nhận tiền chuyển hộ vào Công ty Cổ phần Becamex Bình Định	-	120.000.000.000
Văn phòng Điều hành NTT VIETNAM Corporaion tại Bình Dương	1.172.829.487	-
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	167.688.781	1.298.890.779
<b>Cộng</b>	<b><u>7.382.191.857</u></b>	<b><u>159.609.276.079</u></b>

**19b. Phải trả dài hạn khác**

Các khoản nhận ký quỹ dài hạn.

**19c. Nợ quá hạn chưa thanh toán**

Công ty không có nợ phải trả khác quá hạn chưa thanh toán.

**20. Vay****20a. Vay ngắn hạn**

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	46.744.031.988	67.607.888.764
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.20b)	3.000.000.000	-
<b>Cộng</b>	<b><u>49.744.031.988</u></b>	<b><u>67.607.888.764</u></b>



# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

- (\*) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Bình Dương để bổ sung vốn lưu động. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay ngắn hạn.

Chi tiết phát sinh của khoản vay ngắn hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	67.607.888.764	62.677.069.024
Số tiền vay phát sinh	94.373.289.095	181.447.845.926
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	3.000.000.000	-
Số tiền vay đã trả	<u>(115.237.145.871)</u>	<u>(176.517.026.186)</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>49.744.031.988</u></b>	<b><u>67.607.888.764</u></b>

## 20b. Vay dài hạn

Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Bình Dương nhằm thực hiện dự án "Trang bị các thiết bị phục vụ cho việc cung cấp dịch vụ Viễn thông Công nghệ thông tin giai đoạn 2019 - 2025", thời hạn vay 84 tháng theo lãi suất của Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh vào các ngày 01/03 và 01/09. Khoản vay này được đảm bảo bằng một số máy móc thiết bị (xem thuyết minh số V.10).

Công ty có khả năng trả được các khoản vay dài hạn.

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay dài hạn như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	3.000.000.000	-
Trên 01 năm đến 05 năm	12.000.000.000	-
Trên 05 năm	676.271.500	-
<b>Cộng</b>	<b><u>15.676.271.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

Chi tiết phát sinh của khoản vay dài hạn trong năm như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	-	-
Số tiền vay phát sinh	17.926.271.500	-
Kết chuyển sang vay và nợ ngắn hạn	(3.000.000.000)	-
Số tiền vay đã trả	<u>(2.250.000.000)</u>	<u>-</u>
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>12.676.271.500</u></b>	<b><u>-</u></b>

## 20c. Vay quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay quá hạn chưa thanh toán.

## 21. Dự phòng phải trả

### 21a. Dự phòng phải trả ngắn hạn

Dự phòng nợ phải trả ngắn hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	2.166.774.666	3.193.249.910
Tăng do trích lập	1.509.934.308	1.762.033.053
Hoàn nhập dự phòng	(2.168.354.036)	(3.193.249.910)
Kết chuyển từ dự phòng phải trả dài hạn	327.777.002	404.741.613
<b>Số cuối năm</b>	<b><u>1.836.131.940</u></b>	<b><u>2.166.774.666</u></b>

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 21b. Dự phòng phải trả dài hạn

Dự phòng nợ phải trả dài hạn liên quan đến bảo hành công trình. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	857.041.583	468.390.974
Tăng do trích lập	115.676.763	793.392.222
Kết chuyển sang dự phòng phải trả ngắn hạn	(327.777.002)	(404.741.613)
<b>Số cuối năm</b>	<b>644.941.344</b>	<b>857.041.583</b>

### 22. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Công ty chỉ có quỹ khen thưởng. Chi tiết phát sinh như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	-	-
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	3.648.156.440	-
Chi quỹ trong năm	(2.379.568.035)	-
<b>Số cuối năm</b>	<b>1.268.588.405</b>	-

### 23. Vốn chủ sở hữu

#### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020 số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 tiếp tục đề cập đến vấn đề phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ như đã đề cập trong Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019 số 01/2019/NQ – ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 4 năm 2019, Đại hội đồng cổ đông của Công ty đã thông qua phương án phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ 244,85 tỷ VND lên 500 tỷ VND nhằm tái cấu trúc tài chính và bổ sung nguồn vốn kinh doanh phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Hợp đồng hợp tác kinh doanh (BCC) với đối tác NTT Nhật Bản; đầu tư dự án Data Center thứ 2 và mua lại trụ sở văn phòng của Công ty. Đối tượng phát hành là các nhà đầu tư cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước có tiềm lực tài chính. Thời gian thực hiện trong năm 2020 – 2021.

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở Phụ lục 01 đính kèm.

#### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP	118.964.000.000	118.964.000.000
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	20.000.000.000	20.000.000.000
Các cổ đông khác	105.886.000.000	105.886.000.000
<b>Cộng</b>	<b>244.850.000.000</b>	<b>244.850.000.000</b>

#### 23c. Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	24.485.000	24.485.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông	-	-
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu phổ thông	24.485.000	24.485.000
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

## 23d. Phân phối lợi nhuận

Thực hiện Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ ngày 26 tháng 7 năm 2013 và Nghị quyết số 01/2014/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2014, Công ty đã chia một phần cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông mặc dù Báo cáo kết quả kinh doanh năm 2012 và năm 2013 bị lỗ do ảnh hưởng của việc điều chỉnh hồi tố khi lập Báo cáo tài chính năm 2014. Trong năm Công ty tiếp tục chia cổ tức năm 2012 và năm 2013 cho các cổ đông với số tiền là 69.152.000 VND. Tính đến thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2020, tổng số cổ tức năm 2012 và năm 2013 đã chia cho cổ đông là 33.239.215.800 VND.

Trong năm Công ty đã phân phối lợi nhuận năm 2019 theo Nghị quyết số 01/2020/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 ngày 12 tháng 6 năm 2020 như sau:

	Số được phân phối	Số đã trích năm trước	Số trích trong năm nay
• Chia cổ tức cho các cổ đông	: 36.727.500.000	12.242.500.000	24.485.000.000
• Trích Quỹ đầu tư phát triển	: 21.888.938.638	-	21.888.938.638
• Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	: 3.648.156.440	-	3.648.156.440
• Thù lao Hội đồng quản trị	: 729.631.289	-	729.631.289
• Thưởng Ban điều hành	: 729.631.289	-	729.631.289

## 24. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

### Ngoại tệ các loại

Tại ngày kết thúc năm tài chính, tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm 3.650,35 USD (số đầu năm là 15.062,05 USD).

## VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

### 1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

#### 1a. Tổng doanh thu

	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	14.708.791.330	24.975.408.959
Doanh thu cung cấp dịch vụ	161.469.857.766	126.780.156.743
Doanh thu hợp đồng xây dựng	77.896.371.303	101.543.856.873
Doanh thu bất động sản	61.058.338.084	-
<b>Cộng</b>	<b>315.133.358.483</b>	<b>253.299.422.575</b>

#### 1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Các giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP</b>		
Bán thiết bị	8.554.110.030	9.151.791.751
Cung cấp dịch vụ	4.882.575.606	1.806.335.483
Xây dựng công trình	25.870.855.680	45.589.301.710
<b>Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước</b>		
Bán thiết bị	20.078.185	17.050.915
Cung cấp dịch vụ	101.954.414	88.280.036
Xây dựng công trình	-	81.675.075

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Bán thiết bị	238.284.800	259.277.000
Cung cấp dịch vụ	255.472.926	928.347.731
Xây dựng công trình	6.867.022.800	2.825.337.680
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị</b>		
Bán thiết bị	117.362.000	-
Cung cấp dịch vụ	30.900.766	32.457.617
Xây dựng công trình	1.219.860.852	3.248.753.000
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Bán thiết bị	1.393.227.455	578.428.361
Cung cấp dịch vụ	558.791.858	1.271.716.536
Xây dựng công trình	4.480.427.187	21.848.466.061
<b>Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương</b>		
Bán hàng hóa	1.410.000	1.410.000
Cung cấp dịch vụ	141.714.579	69.461.972
Xây dựng công trình	3.406.589.660	10.023.025.503
<b>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</b>		
Bán hàng hóa	14.610.000	545.779.000
Cung cấp dịch vụ	400.225.345	470.093.893
Xây dựng công trình	748.856.764	146.766.000
<b>Công ty Cổ phần Dược Enlie</b>		
Cung cấp dịch vụ	18.000.000	54.220.000
<b>Công ty TNHH Becamex Tokyu</b>		
Bán hàng hoá	110.937.305	14.949.090
Cung cấp dịch vụ	696.221.582	661.049.187
Xây dựng công trình	2.392.504.300	1.230.038.700
<b>Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương</b>		
Bán hàng hoá	160.000	-
Cung cấp dịch vụ	155.633.851	32.733.698
<b>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</b>		
Bán hàng hoá	107.992.000	630.109.700
Cung cấp dịch vụ	798.813.759	970.281.368
Xây dựng công trình	314.286.000	2.770.954.000
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</b>		
Bán hàng hoá	760.000	97.357.000
Cung cấp dịch vụ	61.178.337	137.932.019
Xây dựng công trình	252.759.000	196.602.000
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC</b>		
Cung cấp dịch vụ	-	9.000.000
<b>Công ty Cổ phần SetiaBecamex</b>		
Xây dựng công trình	17.066.128.100	-

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</i>		
Bán hàng hoá	1.642.500	-
Cung cấp dịch vụ	87.250.155	-
Xây dựng công trình	4.064.608.139	-
<b>2. Giá vốn hàng bán</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Giá vốn của hàng hóa đã bán	12.088.975.930	24.768.076.098
Giá vốn cung cấp dịch vụ	102.580.408.552	85.687.539.880
Giá vốn của hợp đồng xây dựng	74.274.591.728	101.627.035.783
Giá vốn của kinh doanh bất động sản	45.088.974.445	-
<b>Cộng</b>	<u><u>234.032.950.655</u></u>	<u><u>212.082.651.761</u></u>
<b>3. Doanh thu hoạt động tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	261.172.601	1.031.297.259
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	28.061.755	16.592.352
Lãi cho vay	1.031.594.749	-
Cổ tức, lợi nhuận được chia	2.401.990.000	2.882.388.000
Lãi do bán chứng khoán	2.110.597.000	2.201.973.500
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	12.573.430	134.501
<b>Cộng</b>	<u><u>5.845.989.535</u></u>	<u><u>6.132.385.612</u></u>
<b>4. Chi phí tài chính</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí lãi vay	5.308.845.704	5.199.935.575
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	15.707.442	20.959
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	115.527	637.772
Hoàn nhập dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tổn thất đầu tư	(3.819.164.100)	(7.793.835.900)
Chi phí tài chính khác	47.733.603	45.824.121
<b>Cộng</b>	<u><u>1.553.238.176</u></u>	<u><u>(2.547.417.473)</u></u>
<b>5. Chi phí bán hàng</b>		
	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	8.056.682.845	6.397.865.973
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	69.577.598	16.597.158
Chi phí dịch vụ mua ngoài	107.835.560	437.124.000
Chi phí khác	2.913.266.838	2.155.146.544
<b>Cộng</b>	<u><u>11.147.362.841</u></u>	<u><u>9.006.733.675</u></u>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)****6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí cho nhân viên	12.415.322.715	12.365.981.713
Chi phí vật liệu quản lý	322.913.156	376.384.737
Chi phí đồ dùng văn phòng	408.307.500	366.169.775
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.368.156.032	1.181.269.798
Chi phí dự phòng	443.128.625	702.815.164
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.938.118.445	966.483.229
Chi phí khác	3.281.320.487	4.351.700.206
<b>Cộng</b>	<b><u>21.177.266.960</u></b>	<b><u>20.310.804.622</u></b>

**7. Thu nhập khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Hoàn nhập dự phòng bảo hành công trình	2.168.354.036	3.193.249.910
Thu nhập từ thanh lý tài sản cố định	-	153.464.041
Thu nhập từ chuyển nhượng tài sản theo hợp đồng hợp tác kinh doanh	-	68.880.818.182
Thu nhập khác	5.372.290.048	262.418.098
<b>Cộng</b>	<b><u>7.540.644.084</u></b>	<b><u>72.489.950.231</u></b>

**8. Chi phí khác**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Phạt vi phạm hành chính	-	90.000.000
Ghi nhận lại công nợ đã xóa sổ	-	440.000.000
Chi phí khác	1.444.692	243.086
<b>Cộng</b>	<b><u>1.444.692</u></b>	<b><u>530.243.086</u></b>

**9. Lãi trên cổ phiếu****9a. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	48.153.175.726	72.963.128.794
Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi	(2.407.659.000)	(3.648.156.000)
Trích thưởng Hội đồng quản trị, Ban điều hành và Ban kiểm soát	(1.000.000.000)	(1.459.263.000)
Lợi nhuận tính lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu	44.745.516.726	67.855.709.794
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	24.485.000	24.485.000
<b>Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b><u>1.827</u></b>	<b><u>2.771</u></b>

**9b. Thông tin khác**

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc năm tài chính đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

# CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

## BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### 10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	75.681.753.499	83.368.074.374
Chi phí nhân công	52.292.294.694	52.040.068.664
Chi phí khấu hao tài sản cố định	29.299.989.420	21.833.424.849
Chi phí dịch vụ mua ngoài	59.391.504.260	47.799.467.375
Chi phí khác	19.856.705.145	27.992.342.312
<b>Cộng</b>	<b><u>236.522.247.018</u></b>	<b><u>233.033.377.574</u></b>

### VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có công nợ phải trả mua sắm tài sản cố định trị giá 3.296.447.976 VND (số đầu năm là 0 VND).

### VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

#### 1. Tài sản cho thuê hoạt động

Tại ngày kết thúc năm tài chính, các khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu trong tương lai thu được từ các hợp đồng thuê hoạt động không thể hủy ngang như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Từ 01 năm trở xuống	14.111.896.651	11.159.216.667
Trên 01 năm đến 05 năm	28.966.417.900	24.457.921.111
<b>Cộng</b>	<b><u>43.078.314.551</u></b>	<b><u>35.617.137.778</u></b>

#### 2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

##### 2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và chỉ phát sinh tiền thưởng ban điều hành với số tiền là 729.671.289 VND (năm trước không phát sinh).

*Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.6a và V.19a.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM**

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt và Ban Kiểm soát/kiểm soát viên*

	Tiền lương	Thưởng	Thù lao	Cộng thu nhập
<b>Năm nay</b>				
Ông Huỳnh Quang Hải - Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	52.582.860	52.582.860
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	56.777.140	56.777.140
Ông Giang Quốc Dũng - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	79.082.000	60.114.280	379.196.280
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.440.000	53.440.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	53.440.000	53.440.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	49.417.140	49.417.140
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kiểm soát viên	-	-	42.742.860	42.742.860
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm soát viên	-	-	42.742.860	42.742.860
Các thành viên khác	815.465.000	254.453.115	-	1.069.918.115
<b>Cộng</b>	<b>1.055.465.000</b>	<b>333.535.115</b>	<b>411.257.140</b>	<b>1.800.257.255</b>
<b>Năm trước</b>				
Ông Giang Quốc Dũng - Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Tổng Giám đốc	240.000.000	117.829.596	40.000.000	397.829.596
Bà Võ Thị Thanh Hương - Phó Chủ tịch Hội đồng quản trị	-	-	32.000.000	32.000.000
Ông Huỳnh Quang Hải - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	20.000.000	20.000.000
Ông Quảng Văn Viết Cường - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Bà Nguyễn Bá Thước - Thành viên Hội đồng quản trị	-	-	40.000.000	40.000.000
Ông Đặng Thanh Hưng - Trưởng Ban Kiểm soát	-	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thanh Nhân - Kiểm soát viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Bà Nguyễn Thị Thùy Dương - Kiểm soát viên	-	-	24.000.000	24.000.000
Các thành viên khác	814.800.000	286.748.652	-	1.101.548.652
<b>Cộng</b>	<b>1.054.800.000</b>	<b>404.578.248</b>	<b>232.000.000</b>	<b>1.691.378.248</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

**Bên liên quan khác**

Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp - CTCP  
Tập đoàn Bru chính Viễn thông Việt Nam  
Công ty Cổ phần Becamex Bình Định

Công ty Cổ phần Bệnh viện Mỹ Phước  
Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương  
Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị  
Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật  
Công ty Cổ phần Xây dựng và Giao thông Bình Dương  
Trường Đại học Quốc tế Miền Đông  
Công ty Cổ phần Dược Enlie  
Công ty Cổ phần Cao su Bình Dương  
Công ty TNHH Becamex Tokyu  
Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex  
Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex  
Công ty Cổ phần SetiaBecamex  
Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore  
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC

**Mối quan hệ**

Công ty góp vốn  
Công ty góp vốn  
Công ty liên kết đến ngày 27 tháng 3 năm 2020  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư  
Công ty cùng chủ đầu tư (đã không còn là bên liên quan từ tháng 7/2019)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

### *Giao dịch với các bên liên quan khác*

Ngoài giao dịch về bán hàng và cung cấp dịch vụ đã được trình bày ở thuyết minh V.2b và VI.1b, Công ty còn phát sinh thêm giao dịch khác với các bên liên quan khác như sau:

	Năm nay	Năm trước
<b>Tổng Công ty Đầu tư và Phát triển Công nghiệp – CTCP</b>		
Chia cổ tức	11.896.400.000	5.948.200.000
Phí quản lý và duy tu cơ sở hạ tầng	24.029.064	28.321.191
Cho vay	80.000.000.000	-
Lãi cho vay	1.031.594.749	-
<b>Công ty Cổ phần Kinh doanh và Phát triển Bình Dương</b>		
Mua nguyên vật liệu	573.160.483	1.100.165.041
Nhận chuyển nhượng bất động sản	-	109.699.193.650
Cổ tức được chia	2.401.990.000	-
<b>Công ty Cổ phần Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật</b>		
Phí dịch vụ	69.534.591	15.727.276
<b>Công ty TNHH Becamex Tokyu</b>		
Tiền điện và tiền thuê phòng phải trả	178.293.869	127.594.218
<b>Trường Đại học Quốc tế Miền Đông</b>		
Phí dịch vụ	209.854.284	230.023.496
<b>Công ty TNHH MTV Khách sạn Becamex</b>		
Phí dịch vụ	92.027.911	18.404.376
<b>Công ty TNHH MTV Thương mại Becamex</b>		
Mua hàng hóa, dịch vụ	353.463.638	635.874.894
<b>Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng Bình Dương ACC</b>		
Mua nguyên vật liệu	-	378.577.410
<b>Công ty Liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam Singapore</b>		
Phí dịch vụ	326.322.194	-
Chuyển nhượng khoản đầu tư	30.000.000.000	-

Giá hàng hóa, dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan khác là giá thỏa thuận. Việc mua hàng hóa, dịch vụ từ các bên liên quan khác được thực hiện theo giá thỏa thuận.

### *Công nợ với các bên liên quan khác*

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.6a, V.13, V.14 và V.19a.

Các khoản công nợ phải thu các bên liên quan khác không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu các bên liên quan khác.

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

**Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**

### 3. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

#### 3a. Thông tin về lĩnh vực kinh doanh

Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực 01: Cung cấp dịch vụ.
- Lĩnh vực 02: Xây dựng công trình.
- Lĩnh vực 03: Kinh doanh bất động sản.
- Lĩnh vực 04: Các lĩnh vực khác (bán hàng hóa)

Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty được trình bày ở Phụ lục 02 đính kèm.


#### 3b. Thông tin về khu vực địa lý


Toàn bộ hoạt động của Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

### 4. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính.

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021

  
Nguyễn Xuân Hạnh  
Người lập biểu

  
Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

  
Giang Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 01: Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn góp của chủ sở hữu	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	(5.628.490.097)	241.586.384.076
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	72.963.128.794	72.963.128.794
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(12.314.010.000)	(12.314.010.000)
Số dư cuối năm trước	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	55.020.628.697	302.235.502.870
Số dư đầu năm nay	244.850.000.000	1.925.589.113	439.285.060	55.020.628.697	302.235.502.870
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	48.153.175.726	48.153.175.726
Trích lập các quỹ trong năm nay	-	21.888.938.638	-	(25.537.095.078)	(3.648.156.440)
Chia cổ tức, lợi nhuận trong năm nay	-	-	-	(24.554.152.000)	(24.554.152.000)
Thù lao Hội đồng quản trị, thưởng Ban điều hành	-	-	-	(1.459.262.578)	(1.459.262.578)
Số dư cuối năm nay	244.850.000.000	23.814.527.751	439.285.060	51.623.294.767	320.727.107.578

Đơn vị tính: VND

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Giang Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hạnh  
Người lập

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

#### Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Đơn vị tính: VND

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm nay</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	161.469.857.766	77.896.371.303	61.058.338.084	14.708.791.330	315.133.358.483
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>161.469.857.766</b>	<b>77.896.371.303</b>	<b>61.058.338.084</b>	<b>14.708.791.330</b>	<b>315.133.358.483</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	58.889.449.214	3.621.779.575	15.969.363.639	2.619.815.400	81.100.407.828
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận					(32.324.629.801)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					48.775.778.027
Doanh thu hoạt động tài chính					5.845.989.535
Chi phí tài chính					(1.553.238.176)
Thu nhập khác					7.540.644.084
Chi phí khác					(1.444.692)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(12.454.553.052)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>48.153.175.726</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>20.047.356.212</b>	<b>9.671.255.829</b>	<b>7.580.722.931</b>	<b>1.826.176.002</b>	<b>39.125.510.974</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>16.977.517.514</b>	<b>8.190.302.675</b>	<b>6.419.891.729</b>	<b>1.546.534.851</b>	<b>33.134.246.769</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	<b>443.128.625</b>	<b>(542.742.965)</b>	<b>-</b>	<b>-</b>	<b>(99.614.340)</b>

## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương  
BẢO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

### Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Năm trước</b>					
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	126.780.156.743	101.543.856.873	-	24.975.408.959	253.299.422.575
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-	-
<b>Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ</b>	<b>126.780.156.743</b>	<b>101.543.856.873</b>		<b>24.975.408.959</b>	<b>253.299.422.575</b>
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	41.092.616.863	(83.178.910)	-	207.332.861	41.216.770.814
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(29.317.538.297)	(29.317.538.297)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh					11.899.232.517
Doanh thu hoạt động tài chính					6.132.385.612
Chi phí tài chính					2.547.417.473
Thu nhập khác					72.489.950.231
Chi phí khác					(530.243.086)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành					(19.575.613.953)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại					-
<b>Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>					<b>72.963.128.794</b>
<b>Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác</b>	<b>8.687.796.748</b>	<b>6.958.442.174</b>	-	<b>1.711.476.638</b>	<b>17.357.715.560</b>
<b>Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn</b>	<b>12.562.043.267</b>	<b>10.061.498.237</b>	-	<b>2.474.694.590</b>	<b>25.098.236.094</b>
<b>Tổng giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền (trừ chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn)</b>	-	(637.824.635)	-	-	(637.824.635)



## CÔNG TY CỔ PHẦN CÔNG NGHỆ & TRUYỀN THÔNG VIỆT NAM

Địa chỉ: 21 VSIP II, Đường số 1, Khu công nghiệp Việt Nam – Singapore II, Phường Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương

### BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020

Phụ lục 02: Thông tin về bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Công ty như sau:

	Lĩnh vực cung cấp dịch vụ	Lĩnh vực xây dựng công trình	Lĩnh vực kinh doanh bất động sản	Các lĩnh vực khác	Cộng
<b>Số cuối năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	60.446.170.938	46.878.530.154	64.610.219.205	304.517.534	172.239.437.831
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	313.774.890.107
<b>Tổng tài sản</b>					<b>486.014.327.938</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	13.342.736.548	16.565.042.055	800.000.000	-	30.707.778.603
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	134.579.441.757
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>165.287.220.360</b>
<b>Số đầu năm</b>					
Tài sản trực tiếp của bộ phận	59.112.103.946	25.824.944.893	-	112.737.496.769	197.674.545.608
Tài sản phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	475.631.385.127
<b>Tổng tài sản</b>					<b>673.305.930.735</b>
<b>Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận</b>	10.535.922.084	7.076.550.000	-	-	17.612.472.084
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận	-	-	-	-	-
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận	-	-	-	-	353.457.955.781
<b>Tổng nợ phải trả</b>					<b>371.070.427.865</b>

Bình Dương, ngày 15 tháng 3 năm 2021



Nguyễn Văn Phúc  
Kế toán trưởng

Trần Quốc Dũng  
Tổng Giám đốc

Nguyễn Xuân Hạnh  
Người lập

**XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA CÔNG TY**

**TỔNG GIÁM ĐỐC**



*[Handwritten signature]*  
**GIANG QUỐC DŨNG**

